

Số: /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Tài liệu giáo dục địa phương lớp 8
sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông của tỉnh Phú Yên**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 33/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định việc thẩm định tài liệu giáo dục địa phương;

Căn cứ Tờ trình số 08/TTr-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc đề nghị phê duyệt Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Phú Yên lớp 8 và lớp 11 theo Chương trình GDPT 2018;

Căn cứ Công văn số 1487/UBND-KGVX ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc đề nghị phê duyệt Tài liệu GDĐP tỉnh Phú Yên lớp 8, lớp 11 sau khi tiếp thu ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Phú Yên lớp 8 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên chịu trách nhiệm về chất lượng và hiệu quả sử dụng tài liệu được phê duyệt tại Điều 1 trong quá trình triển khai Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ủy ban Văn hoá, Giáo dục của Quốc hội (để báo cáo);
- Ban Tuyên giáo Trung ương (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ GDTrH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

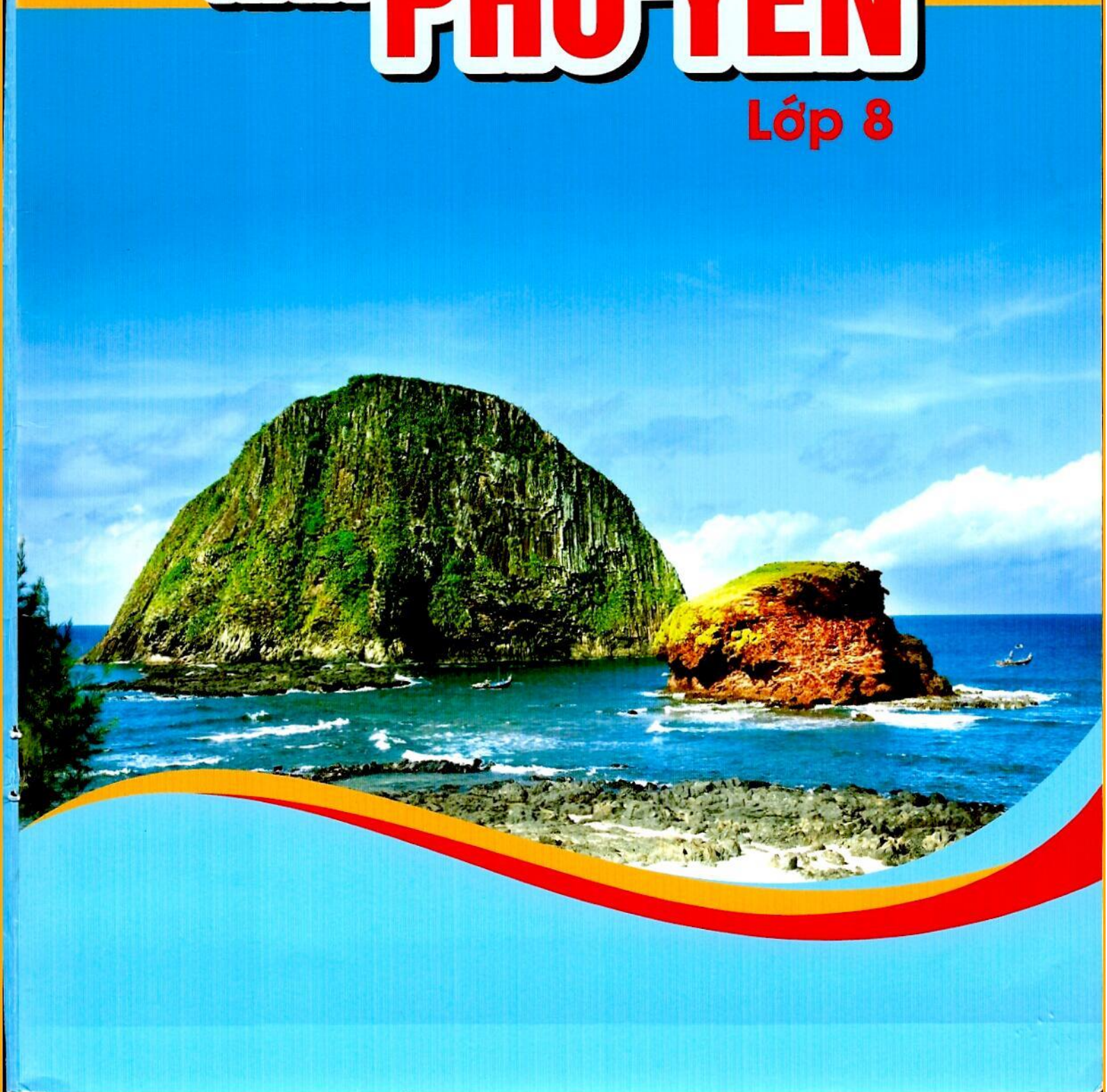
Phạm Ngọc Thương



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
TỈNH PHÚ YÊN

Lớp 8



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG)
TỈNH PHÚ YÊN

Lớp 8

GIÁM ĐỐC



Trần Khắc Lễ

Ban biên soạn

1. Trần Khắc Lễ – Chủ biên, Trưởng ban
2. Dương Bình Luyện – Phó Trưởng ban

Các thành viên

3. Nguyễn Thị Mỹ Chung
4. Bùi Thị Ngọc Hạnh
5. Nguyễn Bảo Hoà
6. Nguyễn Văn Hợp
7. Đặng Hồ Lim Ka
8. Hồ Tấn Nguyên Minh
9. Nguyễn Thị Liên Nga
10. Nguyễn Thị Ngạn
11. Lê Duy Nhất
12. Nguyễn Xuân Thành
13. Đinh Như Thạnh
14. Lê Tấn Thích
15. Nguyễn Bảo Toàn
16. Nguyễn Thị Thu Trang

Lời nói đầu

Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Phú Yên được biên soạn nhằm giúp học sinh nâng cao hiểu biết về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... của tỉnh. Từ đó góp phần rèn luyện những phẩm chất, năng lực được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, đồng thời bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương, ý thức tìm hiểu và vận dụng những điều đã học để góp phần gìn giữ, bảo tồn, phát huy những giá trị văn hoá của quê hương.

Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Phú Yên lớp 8 được biên soạn theo các chủ đề, tương ứng với mạch kiến thức Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Mỗi chủ đề được thiết kế theo hướng mở, linh hoạt để trong quá trình dạy học, giáo viên có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện kinh tế – xã hội của địa phương và thực tiễn dạy học trong nhà trường, song vẫn bảo đảm mức độ yêu cầu chung của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Phú Yên lớp 8 không chỉ dùng để dạy và học mà còn là tư liệu để trải nghiệm, khám phá những nét đẹp của đất và người Phú Yên.

Trong quá trình biên soạn, mặc dù nhóm tác giả đã cố gắng chất lọc tư liệu để vừa giới thiệu những nét cơ bản về nội dung giáo dục địa phương, vừa đảm bảo tính khoa học, vừa sức với đối tượng học sinh lớp 8 nhưng khó tránh khỏi thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý từ quý thầy cô giáo và các em học sinh,... để lần tái bản sau được hoàn chỉnh hơn.

Ban biên soạn

Mục lục

	Trang
Lời nói đầu	3
Các kí hiệu sử dụng trong tài liệu	5
Chủ đề 1. Phong trào yêu nước ở Phú Yên từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX	6
Chủ đề 2. Thổ nhưỡng và sinh vật ở Phú Yên	12
Chủ đề 3. Thơ ca trên vùng đất Phú Yên	22
Chủ đề 4. Tìm hiểu nét đẹp văn hoá của hội đua ngựa Gò Thi Thùng	29
Chủ đề 5. Vai trò của âm nhạc truyền thống trong đời sống văn hoá của một số dân tộc tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Phú Yên	32
Chủ đề 6. Mĩ thuật truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Phú Yên	40
Chủ đề 7. Nông sản của Phú Yên	54
Bảng giải thích thuật ngữ	63

Các kí hiệu sử dụng trong tài liệu



MỤC TIÊU

Nêu những năng lực, phẩm chất, thái độ học sinh cần đạt được sau khi học.



KHỞI ĐỘNG

Tạo hứng khởi, kích thích tư duy, kết nối những điều học sinh đã biết để dẫn dắt vào bài mới.



KHÁM PHÁ

Thông qua các hoạt động học tập giúp học sinh khai thác, tìm hiểu, tiếp nhận kiến thức mới.



LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Thực hành để củng cố kiến thức, rèn luyện kĩ năng; vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống thực tiễn.



Đưa ra câu hỏi để học sinh tìm câu trả lời cho phần đã học, qua đó tự kiểm soát việc hiểu của mình.

Em có biết?

Thông tin hỗ trợ, bổ sung để làm rõ hơn nội dung chính.

Phong trào yêu nước ở Phú Yên từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX



MỤC TIÊU

- Biết được một số nét khái quát về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội ở Phú Yên từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.
- Nêu được diễn biến chính của một số phong trào yêu nước tiêu biểu ở Phú Yên từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.
- Có ý thức tự hào về truyền thống đấu tranh bất khuất của Nhân dân ta và sẵn sàng tham gia đóng góp vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.



KHỞI ĐỘNG

Em hãy chia sẻ hiểu biết của bản thân về các cuộc khởi nghĩa/ phong trào yêu nước ở Phú Yên từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.



KHÁM PHÁ

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH PHÚ YÊN VÀO CUỐI THẾ KỈ XIX ĐẦU THẾ KỈ XX

– Ở Phú Yên vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX song song tồn tại hai hệ thống chính quyền: chính quyền phong kiến và chính quyền thực dân. Trên thực tế, mọi hoạt động của chính quyền phong kiến đều phụ thuộc vào chính quyền thực dân. Chính quyền phong kiến thực chất chỉ là công cụ thống trị của thực dân Pháp.

– Nông nghiệp lạc hậu, sa sút, năng suất trồng trọt thấp, tình trạng mất mùa diễn ra thường xuyên. Hoạt động công thương nghiệp còn nhiều hạn chế; các nghề thủ công truyền thống như: dệt vải, làm chiếu, làm nước mắm,... hoạt động cầm chừng.

– Đời sống của các tầng lớp nhân dân gặp nhiều khó khăn do chính sách vơ vét, bóc lột của chính quyền thực dân phong kiến; các mâu thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc. Chính vì vậy, trong những năm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, phong trào yêu nước ở Phú Yên phát triển mạnh mẽ, lôi cuốn đông đảo các giai cấp, tầng lớp xã hội tham gia.

II. PHONG TRÀO YÊU NƯỚC Ở PHÚ YÊN VÀO CUỐI THẾ KỈ XIX ĐẦU THẾ KỈ XX

1. Các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương



Dựa vào những thông tin dưới đây, em hãy tóm tắt diễn biến phong trào Cần vương ở Phú Yên vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

a. Cuộc khởi nghĩa Lê Thành Phương (1885 – 1887)

Hưởng ứng chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi, sau một thời gian chuẩn bị, ngày 13/8/1885, Lê Thành Phương cùng các sĩ phu đứng lên khởi nghĩa tại Núi Một, thôn Tân An, tổng Xuân Vinh, phủ Tuy An (nay thuộc thôn Tân An, xã An Hoà Hải, huyện Tuy An).

Lê Thành Phương được nghĩa quân tôn làm Thống soái, đóng quân tại căn cứ ở núi Chóp Vung, phía tây làng Phong Phú. Chỉ trong một thời gian ngắn, Lê Thành Phương đã chiêu tập được một lực lượng nghĩa quân khoảng vài nghìn người.

Em có biết?

Nghĩa quân phong trào Cần vương do Lê Thành Phương khởi xướng và lãnh đạo không chỉ hoạt động trên địa bàn tỉnh Phú Yên mà còn phối hợp chiến đấu với nghĩa quân Cần vương ở các tỉnh lân cận.

Ngày 30/8/1885, Lê Thành Phương cử Phó soái Bùi Giảng tiến vào Khánh Hoà và Bình Thuận, liên kết với phong trào Cần vương ở các tỉnh phía nam.

Ngày 23/11/1885, nghĩa quân do Bùi Giảng chỉ huy tiến vào phủ Ninh Thuận giải thoát những tù nhân yêu nước đang bị giam giữ tại đây và cho họ tham gia vào lực lượng nghĩa quân.

Ngày 14/12/1885, hai đạo quân của Bùi Giảng và Lê Thành Bính phối hợp mở cuộc tấn công vào thành Diên Khánh, đánh đổ chính quyền thân Pháp ở Khánh Hoà.

Đầu năm 1886, Lê Thành Phương điều động quân của Bùi Giảng và Lê Thành Bính về lại Phú Yên, phối hợp với các đạo quân tại chỗ chuẩn bị đánh thành An Thổ, tỉnh Phú Yên.

Tháng 2/1886, nghĩa quân Lê Thành Phương tấn công thành An Thổ và nhanh chóng giành thắng lợi. Nghĩa quân Cần vương làm chủ toàn bộ vùng đất Phú Yên.

Đầu tháng 2/1887, thực dân Pháp tổ chức phản công với quy mô lớn. Lực lượng nghĩa quân đã chiến đấu anh dũng. Tuy nhiên, do chênh lệch về lực lượng, vũ khí và phương tiện chiến đấu,... lực lượng nghĩa quân nhanh chóng bị thực dân Pháp đàn áp.



Ngày 14/2/1887, Lê Thành Phương bị bắt và giam tại Hàng Dao (nay thuộc thôn Hội Tín, xã An Thạch, huyện Tuy An). Thực dân Pháp đã dùng nhiều biện pháp để mua chuộc nhưng ông thà chết chứ không chịu đầu hàng. Ngày 20/2/1887 (tức ngày 28 tháng Giêng năm Đinh Hợi), ông bị xử tử tại bến đò Cây Dừa, phủ Tuy An (nay thuộc xã An Dân, huyện Tuy An).

Sau khi Lê Thành Phương mất, một mặt thực dân Pháp tiếp tục truy quét lực lượng nghĩa quân, mặt khác dùng nhiều thủ đoạn để dụ dỗ, lôi kéo các thủ lĩnh của phong trào Cần vương. Đến cuối tháng 2/1887, cuộc khởi nghĩa Lê Thành Phương kết thúc.



Hình 1.1. Đền thờ Lê Thành Phương ở huyện Tuy An
(Ảnh: Lê Ngọc Minh)

b. Cuộc vận động chống thực dân Pháp của Nguyễn Hào SỰ (1890 – 1892)

Năm 1890, phong trào Cần vương chống thực dân Pháp do Nguyễn Hào SỰ lãnh đạo bùng nổ. Nguyễn Hào SỰ là người đã từng tham gia chỉ huy nghĩa quân trong cuộc khởi nghĩa Lê Thành Phương ở phía bắc tỉnh Phú Yên.

Khi cuộc khởi nghĩa Lê Thành Phương thất bại, Nguyễn Hào SỰ cùng một số nghĩa quân rút lên căn cứ Hòn Ông (huyện Đồng Xuân) tiếp tục chuẩn bị, chờ thời cơ. Tại đây, ông tích cực vận động các tầng lớp nhân dân tham gia chống thực dân Pháp.

Em có biết?

Nguyễn Hào SỰ quê ở làng Phú Xuân, tổng Xuân Vinh, huyện Đồng Xuân (nay thuộc xã Xuân Phước, huyện Đồng Xuân). Cha mất sớm, ông được mẹ gửi ra Bình Định học. Sau khi thôi học, ông trở về Phú Xuân mở trường dạy võ, thu hút nhiều thanh niên theo học.

Khi phong trào Cần vương ở Phú Yên bùng nổ, Nguyễn Hào Sự cùng các nhân sĩ ở Phú Xuân chiêu mộ nghĩa binh, chuẩn bị khởi nghĩa. Ông lập căn cứ tại núi Hòn Ông. Đây là một dãy núi liên hoàn, địa thế hiểm trở, nối liền với dãy núi La Hiên. Ngoài ra, ông còn xây dựng các căn cứ khác ở vùng Tổng Bình và Suối Trầu thuộc xã Sơn Hội, huyện Sơn Hoà; buôn Cây Trôi, Suối Rẽ, Suối Cối, ... thuộc xã Xuân Quang, huyện Đồng Xuân.

Bên cạnh xây dựng căn cứ, Nguyễn Hào Sự cũng chú trọng xây dựng các lò rèn đúc khí giới, ngày đêm luyện tập nghĩa binh, ... và liên kết với phong trào Lê Thành Phương ở đồng bằng.

Sau nhiều lần thất bại khi tấn công vào căn cứ Hòn Ông, thực dân Pháp chuyển sang đàn áp dân làng và lùng bắt người thân của Nguyễn Hào Sự. Trước tình thế đó, ông đành nộp mình cho giặc để cứu dân lành. Ngày 21/3/1892, Nguyễn Hào Sự bị thực dân Pháp tuyên án xử tử, cuộc vận động chống thực dân Pháp do ông lãnh đạo đến đây chấm dứt.

2. Cuộc khởi nghĩa của Võ Trứ và Trần Cao Vân (1898 – 1900)



Nêu những nét chính của cuộc khởi nghĩa Võ Trứ và Trần Cao Vân (1898 – 1900).

Sau khi phong trào Cần vương kết thúc, thực dân Pháp tăng cường vơ vét, bóc lột Nhân dân ta. Trong bối cảnh đó, dưới sự lãnh đạo của Võ Trứ và Trần Cao Vân, một lần nữa nhân dân Phú Yên lại đứng lên khởi nghĩa.

Em có biết?

Võ Trứ (? – 1900) quê ở làng Nhơn Ân, tổng Kỳ Sơn, phủ Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Ông là môn đệ thầy chùa Đá Bạc (thuộc thôn Chánh Danh, xã Cát Tài, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định). Ông sống ở chùa và làm nghề thầy thuốc. Năm 1895, tại chùa Đá Bạc, ông gặp Trần Cao Vân cùng bàn việc tổ chức khởi nghĩa. Sau đó, Võ Trứ vào huyện Đồng Xuân tỉnh Phú Yên sinh sống và hoạt động.

Trần Cao Vân (1866 – 1916), người làng Tư Phú, tổng Đa Hoà, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Công việc hằng ngày của ông là dạy học và làm thầy địa lí bói quẻ để truyền bá tư tưởng chống thực dân Pháp, vận động Nhân dân cứu nước.

Trong giai đoạn này, hầu hết các chùa ở Bình Định và Phú Yên lần lượt trở thành nơi tập hợp lực lượng nghĩa binh của Võ Trứ và Trần Cao Vân.



Dựa vào địa hình hiểm trở của rừng núi phía tây tỉnh Phú Yên, Võ Trứ và Trần Cao Vân đã chọn các địa điểm: Đá Mài, La Hiên, Thồ Lồ (huyện Đồng Xuân) và chùa Từ Quang (còn gọi là chùa Đá Trắng – huyện Tuy An) làm căn cứ của nghĩa quân. Chỉ sau một thời gian ngắn, vùng rộng lớn phía tây bắc tỉnh Phú Yên (nơi sinh sống của người Chăm, Bana,...) đã trở thành căn cứ chính của nghĩa quân Võ Trứ.

Vào rằm tháng 7 năm Đinh Dậu (1897), đông đảo khách thập phương đến thăm các chùa. Tận dụng cơ hội này, Võ Trứ và Trần Cao Vân triệu tập một cuộc hội nghị bí mật tại chùa Từ Quang bàn kế hoạch khởi nghĩa.

Một đêm hè năm 1898, Võ Trứ tổ chức lễ tế cờ tại làng Phú Giang rồi chỉ huy một đạo quân từ vùng núi La Hiên thuộc huyện Đồng Xuân kéo xuống tỉnh lỵ Phú Yên ở Sông Cầu, với vũ khí là giáo, mác, rựa,... Lực lượng ban đầu có khoảng 600 người nhưng dọc đường đi, dân chúng gia nhập mỗi lúc một đông.



Hình 1.2. Vùng núi La Hiên ở huyện Đồng Xuân
(Ảnh: Dương Thanh Xuân)

Khoảng 11 giờ đêm, khi tới Dốc Găng (cách trung tâm tỉnh lỵ tại Sông Cầu khoảng 3 km), lực lượng nghĩa quân đã chiến đấu dũng cảm với quân Pháp, nhưng vì bất ngờ, vũ khí thô sơ,... nên nghĩa quân bị tổn thất nặng nề, buộc phải rút lui.

Sau trận đánh tại Dốc Găng, thực dân Pháp tiến hành đàn áp những người tham gia khởi nghĩa. Trước tình thế đó, ngày 31/5/1900, Võ Trứ quyết định nộp mình để cứu dân lành. Trần Cao Vân cũng bị thực dân Pháp bắt giam. Cuộc khởi nghĩa do hai ông lãnh đạo kết thúc.

3. Phong trào chống sưu thuế ở Phú Yên năm 1908



Đọc những thông tin sau và cho biết nét mới của phong trào chống sưu thuế ở Phú Yên là gì?

Phong trào chống sưu thuế năm 1908 ở Trung Kỳ bắt đầu từ Quảng Nam (tháng 3/1908) rồi lan toả đến các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên,...

Tại Phú Yên, phong trào này diễn ra từ đầu tháng 5/1908, trước tiên ở huyện Đồng Xuân. Ngày 5/5/1908, Nhân dân tập trung ở La Hai rồi kéo đến huyện lỵ Đồng Xuân đòi giảm tô thuế. Sau đó, phong trào nhanh chóng lan ra cả tỉnh.

Ở Tuy Hoà, từ các tổng Hoà Tường, Hoà Đa đến phủ lỵ Tuy Hoà (thôn Đông Phước, xã Hoà An, huyện Phú Hoà ngày nay), dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Hữu Dực, Lê Hanh,... quần chúng nhân dân xuống đường yêu cầu công sứ Pháp và chính quyền phong kiến phải giảm tô thuế. Trước sức mạnh của phong trào, chính quyền phong kiến tại Tuy Hoà buộc phải đóng cửa phủ.

Ở Tuy An, ngày 11/5/1908, đoàn biểu tình khoảng 200 người tiến vào phủ đòi giảm sưu thuế.

Ở phía nam, đoàn biểu tình dưới sự lãnh đạo của Lê Hanh đi từ Tuy Hoà đến Tuy An, tụ hợp với đoàn biểu tình ở Tuy An do Huỳnh Tấn Phòng, Nguyễn Trọng Thuật lãnh đạo với khoảng 2 000 người rồi kéo ra Sông Cầu. Khi đến Trạm Gánh (tức Phú Tân, thuộc xã An Cư, huyện Tuy An ngày nay), đoàn biểu tình gặp quân Pháp; chúng bắn vào đoàn biểu tình, làm nhiều người chết và bị thương.

Mặc dù bị nhiều tổn thất, ngày 14/5/1908, đoàn biểu tình vẫn tiếp tục kéo ra Sông Cầu. Khi đoàn biểu tình đến cầu Tam Giang, thực dân Pháp đã thẳng tay đàn áp. Phong trào chống sưu thuế ở Phú Yên tan rã.



LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

1. Lập niên biểu các phong trào yêu nước ở Phú Yên giai đoạn cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

2. Em có nhận xét gì về hình thức đấu tranh, lực lượng tham gia,... của các phong trào yêu nước ở Phú Yên giai đoạn cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX?

VẬN DỤNG

Sưu tầm tư liệu và viết bài giới thiệu về một di tích hoặc một nhân vật lịch sử liên quan đến phong trào yêu nước ở Phú Yên giai đoạn cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

Thổ nhưỡng và sinh vật ở Phú Yên



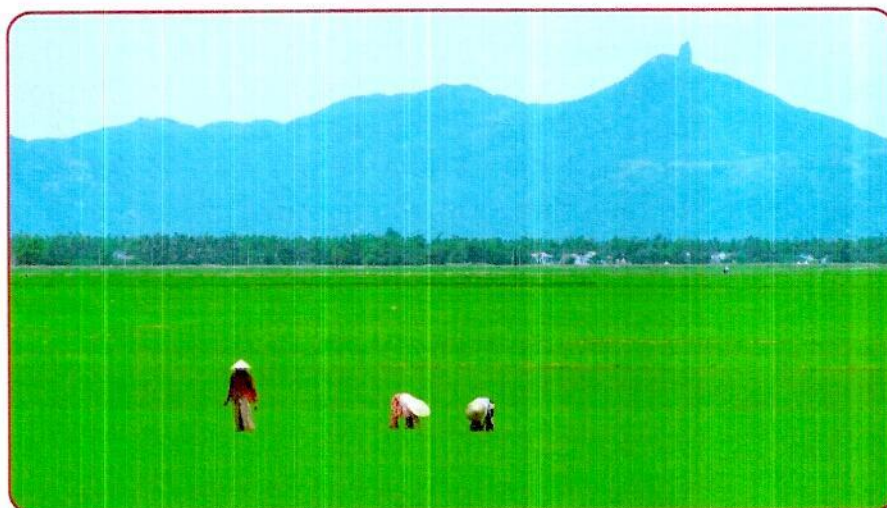
MỤC TIÊU

- Nêu được đặc điểm, khu vực phân bố và giá trị sử dụng của các nhóm đất chính ở Phú Yên.
- Trình bày được đặc điểm, vai trò của tài nguyên sinh vật ở Phú Yên.
- Đề xuất được một số giải pháp khai thác để chống thoái hoá đất và bảo vệ tài nguyên sinh vật ở Phú Yên.



KHỞI ĐỘNG

Dựa vào hiểu biết của em, hãy cho biết vì sao tỉnh Phú Yên được gọi là vựa lúa lớn nhất vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?



Hình 2.1. Đồng lúa ở thị xã Đông Hoà
(Ảnh: Dương Thanh Xuân)



KHÁM PHÁ

I. TÀI NGUYÊN ĐẤT CỦA TỈNH PHÚ YÊN



Dựa vào những thông tin bên dưới, em hãy cho biết:

- Tỉnh Phú Yên có những nhóm đất chính nào? Nêu đặc điểm, địa bàn phân bố chủ yếu và giá trị dinh dưỡng của từng nhóm đất.
- Nhóm đất nào có vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh Phú Yên? Vì sao?

1. Các nhóm đất chính ở tỉnh Phú Yên

Tài nguyên đất của tỉnh Phú Yên tương đối đa dạng. Theo nguồn gốc phát sinh, ở Phú Yên có các nhóm đất chính sau:

Bảng 2.1. Tỷ lệ (%) diện tích các nhóm đất chính so với diện tích tự nhiên của tỉnh Phú Yên

Nhóm đất	Đất cát biển	Đất mặn	Đất phèn	Đất phù sa	Đất xám	Đất đen	Đất đỏ vàng	Đất dốc tụ	Các loại đất khác
Tỷ lệ (%)	2,8	1,9	0,2	10,7	6,9	5,6	62,1	0,3	9,5

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Phú Yên)

- **Đất cát biển:** phân bố chủ yếu ở huyện Tuy An, thị xã Đông Hoà, thị xã Sông Cầu và thành phố Tuy Hoà. Thành phần cơ giới chủ yếu là cát, dinh dưỡng kém, độ phì thấp, dễ thoát nước, thuận lợi cho việc làm đất và thích nghi với các cây trồng trên cạn.

- **Đất mặn:** phân bố chủ yếu ở các vùng ven biển như huyện Tuy An, thị xã Đông Hoà, thị xã Sông Cầu và một phần diện tích nhỏ ở thành phố Tuy Hoà. Đất mặn hình thành do trầm tích biển hoặc hỗn hợp sông – biển, bị ảnh hưởng của nước mặn ngập tràn, hoặc mạch mặn ven biển, cửa sông. Đất có phản ứng chua, dinh dưỡng kém, ít có giá trị cho trồng trọt. Đất có độ mặn cao được sử dụng cho mục đích sản xuất muối hoặc nuôi trồng thủy sản.

- **Đất phèn:** phân bố nhiều ở thị xã Đông Hoà. Đất phèn hình thành do sản phẩm bồi tụ phù sa với vật liệu sinh phèn (xác thực vật chứa lưu huỳnh); phát triển mạnh ở môi trường đầm mặn, khó thoát nước. Đất có thành phần cơ giới nặng, độ chua cao, độ phì thấp, chứa các chất độc hại nên khó canh tác.

- **Đất phù sa:** tập trung chủ yếu ở huyện Phú Hoà, huyện Tây Hoà, thị xã Đông Hoà và thành phố Tuy Hoà, rải rác ở các huyện Tuy An, Đồng Xuân và thị xã Sông Cầu. Đất được hình thành do sự bồi đắp của Sông Ba, sông Kỳ Lộ và sông Bàn Thạch. Đất giàu dinh dưỡng, có thành phần cơ giới mịn. Nhìn chung, đất thích hợp cho trồng lúa, hoa màu và mía.

- **Đất xám:** phân bố ở những nơi có địa hình tiếp giáp giữa vùng đồi núi và vùng thấp, chủ yếu ở các huyện: Sơn Hoà, Đồng Xuân, Sông Hinh và Tây Hoà. Đất phân bố ở độ cao 20 – 200 m, tầng đất thường mỏng. Đất có phản ứng chua; nghèo hữu cơ, đạm cũng như các chất dinh dưỡng khác. Diện tích đất xám phân bố ở độ dốc dưới 5° có thể sử dụng để sản xuất nông nghiệp và trồng cây công nghiệp.

- **Đất đen:** phân bố chủ yếu ở thành phố Tuy Hoà, thị xã Sông Cầu và các huyện: Sông Hinh, Tuy An, Sơn Hoà, Tây Hoà. Đất hình thành từ đá mẹ bazan giàu kiềm; có tầng phong hoá mỏng, nhiều đá lộ đầu. Riêng đất đen hình thành do sản phẩm bồi tụ của đá bazan ở phía nam huyện Tuy An có tầng phong hoá dày, ít đá lẫn. Đất có phản ứng từ hơi chua đến trung tính. Đất đen có nhiều giá trị trong trồng trọt.

• **Đất đỏ vàng:** phân bố ở hầu hết các địa phương trong tỉnh, trong đó diện tích lớn nhất ở huyện Đồng Xuân, tiếp đến là các huyện: Sơn Hoà, Sông Hinh, Tây Hoà, thị xã Sông Cầu và huyện Tuy An.

Nhóm đất đỏ vàng được chia thành các loại sau:

– **Đất nâu vàng – đất nâu đỏ trên đá bazan:** chiếm 5,7% diện tích tự nhiên toàn tỉnh, phân bố ở xã Sơn Thành Đông, Sơn Thành Tây (huyện Tây Hoà), xã Sông Hinh (huyện Sông Hinh), xã An Xuân, An Lĩnh (huyện Tuy An) và cao nguyên Vân Hoà (huyện Sơn Hoà). Đất có thành phần cơ giới nặng, sét, kết cấu tơ xốp. Tầng đất thường mỏng, có nhiều đá lẫn, đá lộ đầu, độ dốc khá lớn. Đất có hàm lượng hữu cơ khá, phản ứng ít chua, thích hợp trồng cây cà phê, chè, cao su,...

– **Đất đỏ vàng trên đá macma – acid:** chiếm 54,3% diện tích tự nhiên toàn tỉnh, phân bố rộng khắp tỉnh, phần lớn là ở vùng đồi núi cao có địa hình đa dạng và phức tạp. Tầng đất mỏng; đất có thành phần cơ giới hạt thô, khả năng giữ nước kém, phản ứng đất chua, hàm lượng hữu cơ trung bình. Khu vực đất đỏ vàng phân bố ở độ dốc dưới 8° có khả năng phát triển nông nghiệp.

– **Đất mùn vàng đỏ trên núi:** chiếm 2,1% diện tích tự nhiên toàn tỉnh, phân bố trên núi cao từ 900 – 1 000 m thuộc khu vực các huyện Đồng Xuân và Sông Hinh. Đất có độ dốc trên 25° ; tầng đất mỏng, có nhiều đá lộ đầu, giàu hàm lượng hữu cơ. Hạn chế lớn nhất của loại đất này là độ dốc rất lớn, không thuận lợi cho sản xuất và vận chuyển, nên chưa được khai thác hiệu quả cho sản xuất nông nghiệp. Đất chủ yếu sử dụng vào mục đích lâm nghiệp.

• **Đất dốc tụ:** phân bố rải rác ở các địa hình thấp, trũng, tập trung thành từng khu vực nhỏ. Đất hình thành ở chân sườn núi cao, là sản phẩm rửa trôi và bồi tụ của các loại đất, các vật liệu do dòng nước mang tới tập trung lại nên tầng đất thường khác nhau, sản phẩm lộn xộn.

• **Các loại đất khác:** phân bố ở hầu hết các huyện, thị xã và thành phố, có độ phì rất thấp.

2. Suy thoái tài nguyên đất ở tỉnh Phú Yên



Phân tích nguyên nhân dẫn đến suy thoái tài nguyên đất ở tỉnh Phú Yên. Em sẽ làm gì để hạn chế tình trạng này?

Phú Yên là tỉnh có địa hình đồi núi chiếm diện tích lớn, kết hợp với lớp phủ thực vật bị phá hủy do các hoạt động kinh tế nên tình trạng xói mòn, rửa trôi, sạt lở đất diễn ra phổ biến trên bề mặt địa hình, làm đất bị bạc màu, trơ sỏi đá.

Ngoài ra, tài nguyên đất ở tỉnh Phú Yên còn bị suy thoái do sử dụng các loại hoá chất trong canh tác nông nghiệp, sử dụng đất thiếu quy hoạch, đốt rừng làm nương rẫy, phá rừng đầu nguồn, phá rừng phòng hộ, chăn thả gia súc quá mức,...

II. TÀI NGUYÊN SINH VẬT CỦA TỈNH PHÚ YÊN

1. Sự đa dạng của tài nguyên sinh vật ở tỉnh Phú Yên



Trình bày được sự đa dạng và vai trò của tài nguyên sinh vật ở tỉnh Phú Yên. Cho biết vì sao hệ sinh vật ở tỉnh Phú Yên lại đa dạng như vậy?

Tỉnh Phú Yên nằm ở vị trí chuyển tiếp giữa dãy Trường Sơn xuống Biển Đông, có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, lượng mưa lớn, tạo điều kiện phát triển hệ động, thực vật phong phú, đa dạng trên địa bàn tỉnh.

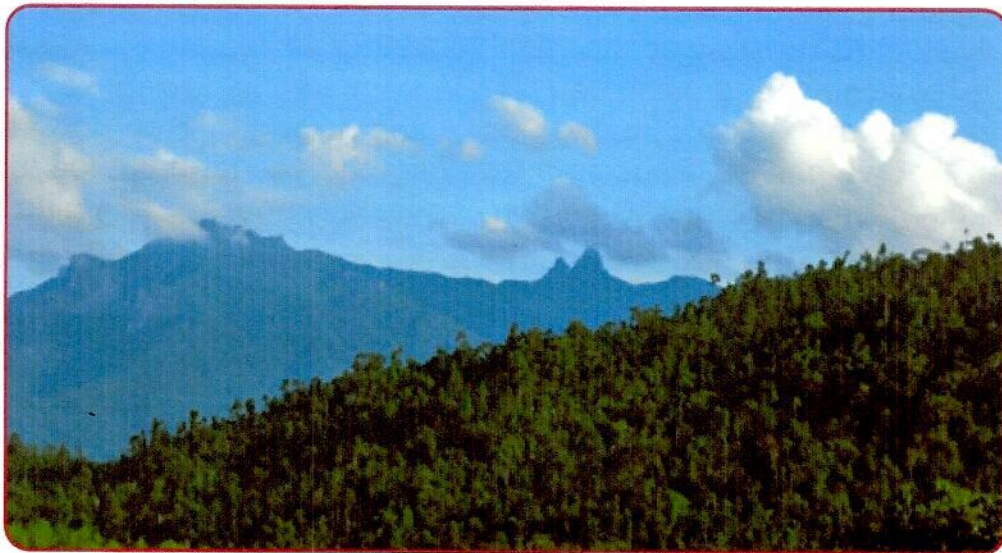
1.1. Sinh vật trên cạn

a. Thực vật

• Thực vật tự nhiên

– *Kiểu rừng nhiệt đới núi thấp*: Đây là kiểu rừng có diện tích lớn nhất tỉnh, phân bố ở độ cao dưới 1 000 m, nằm trong khu vực vùng núi thị xã Đông Hoà và các huyện: Tây Hoà, Sông Hinh, Sơn Hoà, Đồng Xuân. Thực vật của kiểu rừng này rất phong phú, đa dạng, có khoảng 1 000 loài. Các loài chiếm ưu thế là họ giẻ, họ sồi, họ xoài, họ sim, họ thị, họ trôm, họ re,...

Đặc điểm kiểu rừng này là xanh quanh năm; cây cối đâm chồi, phát triển liên tục và ít thay lá. Rừng có nhiều tầng, gồm: tầng trên, tầng giữa, tầng dưới, thảm thực vật tươi, cây tái sinh và cây bụi. Ngoài ra còn có dây leo, cây phụ sinh đeo bám như: phong lan, ỏ rồng,...



Hình 2.3. Kiểu rừng nhiệt đới núi thấp ở huyện Sông Hinh
(Ảnh: Nguyễn Thị Ngạn)

– *Kiểu rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới*: Kiểu rừng này có diện tích ít, phân bố ở độ cao dưới 1 000 m ở các huyện Tây Hoà, Sông Hinh, Đồng Xuân, Sơn Hoà và thị xã Đông Hoà. Các loài thực vật có giá trị trong rừng như: sao đen, chò, kiền kiền, gõ, giổi, sến đỏ, dầu lá bóng,...

– *Kiểu rừng hỗn giao giữa các loại cây lá kim và cây lá rộng* như: thông nàg, thông tre và các loài cây lá rộng. Trong đó, thông chiếm ưu thế nhưng diện tích không lớn, xuất hiện ở các khu vực có độ cao hơn 1 000 m, trên những đỉnh núi ở các huyện: Sơn Hoà, Sông Hinh, Tây Hoà,...

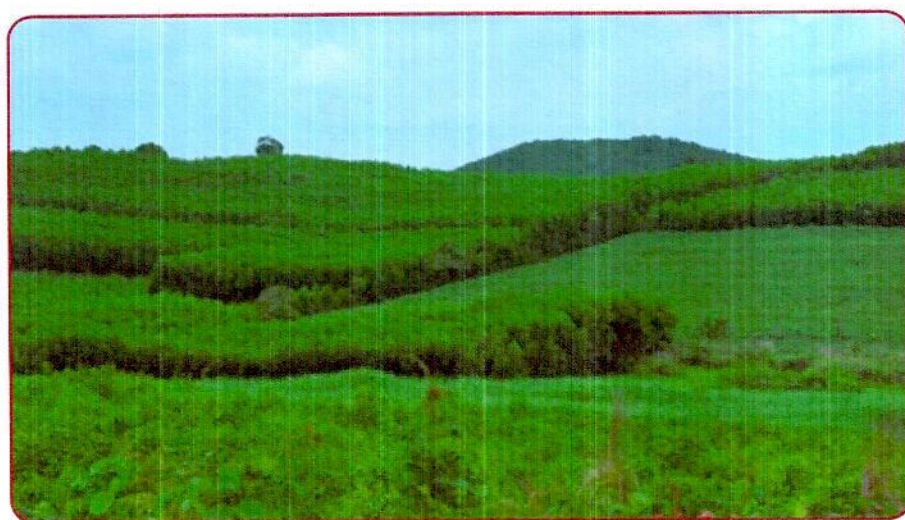
– *Kiểu rừng thưa nhiệt đới núi thấp rụng lá và nửa rụng lá*: phân bố phần lớn ở huyện Sơn Hoà và huyện Sông Hinh. Đặc điểm của kiểu rừng này là phân bố ở độ cao dưới 500 m, độ dốc dưới 15° . Các loài cây phổ biến của rừng là: chàm, giáng hương, gõ đỏ, cóc, ké, trắc, cẩm lai, cẩm xe, vừng, gáo, bằng lăng. Thảm thực vật rừng có nhiều trắng cỏ, là nơi tập trung nhiều thú rừng.

– *Kiểu rừng gai, cây bụi*: phân bố dọc ven biển thị xã Sông Cầu, huyện Tuy An và thành phố Tuy Hoà (núi Chóp Chài). Đây là kiểu rừng tương đối đặc biệt, hình thành do các yếu tố tự nhiên tổng hợp có tác động của con người. Đặc điểm của kiểu rừng này là cây cối chủ yếu là loài chịu hạn, có gai, lá nhỏ, thường phát triển ở vùng đất đai khô cứng, tầng đất mỏng, xói mòn bề mặt, thiếu nước nên mùa hè có hiện tượng héo lá. Các loài cây phổ biến của rừng như: tre gai, ô rô, trám ôi, găng, lổa chân đèn, mã ca, chà là, mây, dừa dại.

– *Kiểu thực vật trên đất cát phân bố dọc ven biển*: Thảm thực vật tự nhiên trên đất cát phân bố dọc ven biển chủ yếu là cỏ gồm các loại chính như: từ bì, cỏ lông chồn, cóc, mù u, chai lá cong (là loài cây họ dầu quý hiếm, có kích thước lớn, mọc trên cát, mới được phát hiện ở bãi cát Từ Nham thuộc thị xã Sông Cầu).

• Thực vật trồng

– *Rừng trồng*: phân bố chủ yếu ở các huyện Sơn Hoà, Sông Hinh, Đồng Xuân và Tây Hoà. Rừng trồng có diện tích 20 963 ha và khoảng 8,4 triệu cây phân tán. Các loài cây chủ yếu là: bạch đàn, keo lá tràm, keo tai tượng, xà cừ, phi lao, điều, dầu rái, sao đen, gõ đỏ, muồng đen, giáng hương,... Trong đó nhiều nhất là bạch đàn, keo và phi lao. Phương thức trồng chủ yếu là thuần loại theo đám, chiếm 69% diện tích rừng trồng. Diện tích còn lại là rừng trồng hỗn giao giữa các



Hình 2.4. Rừng keo lá tràm ở huyện Sơn Hoà
(Ảnh: Nguyễn Hữu Xuân)

loài keo, bạch đàn, phi lao, sao, muồng, dầu rái,... hoặc rừng trồng dưới tán rừng giúp tăng độ che phủ và nâng cao thu nhập cho người dân.

– *Cây lương thực, cây công nghiệp và hoa màu*: gồm các nhóm cây chính là cây lương thực, cây thực phẩm, cây công nghiệp và cây thuốc trồng theo thời vụ. Loại thực vật này được trồng chủ yếu ở vùng có độ cao dưới 100 m, thuộc khu vực đồi thấp ở các huyện Sông Hình, Đồng Xuân và khu vực đồng bằng ven biển. Ngoài ra còn có thảm thực vật ở khu vực đồi núi thấp phía tây tỉnh Phú Yên (mía, sắn, bắp (ngô),...), đồng lúa Tuy Hoà, đồng rau – đồng hoa Ngọc Lãng (thành phố Tuy Hoà), dừa ở ven biển thị xã Sông Cầu,...



Hình 2.5. Mía và sắn được trồng ở khu vực đồi thấp huyện Sông Hình
(Ảnh: Nguyễn Thị Ngạn)

b. Động vật

Hệ động vật rừng ở Phú Yên khá phong phú: có 43 họ chim với 114 loài, 20 họ thú với 51 loài, 3 họ bò sát với 22 loài. Các loài chim quý hiếm bao gồm: công, trĩ, gà lôi trắng, gà lôi hồng tía,... Các loài thú quý như: khỉ mặt đỏ, chà vá, vượn, gấu chó, gấu ngựa, hổ, báo hoa mai, cà tong, hươu vàng, bò rừng, tê tê,... Các loài bò sát như: cá sấu, rái cá,... Có nhiều loài có giá trị cao như: bò rừng, hươu, nai, hoẵng, lợn rừng, hổ, khỉ, gấu, trăn, mèo rừng, sóc, rắn, công, trĩ,...

Tài nguyên động vật rừng đã giảm đáng kể cả về số lượng lẫn chất lượng. Nguyên nhân chủ yếu là do mất rừng, săn bắt trái phép và công tác quản lí, bảo tồn thiên nhiên chưa tốt,...

1.2. Sinh vật biển

Các loài sinh vật biển ở tỉnh Phú Yên gồm: 38 loài tôm – có những loài có giá trị kinh tế cao như tôm hùm, tôm sú; trên 500 loài cá; 15 loài mực; 2 loài cua (cua xanh, cua huỳnh đế); 6 loài hải sâm (hải sâm mít, hải sâm rìu, hải sâm đen, hải sâm trắng, hải sâm vú, hải sâm lựu); 3 loài gẹ (gẹ xanh, gẹ nhàu, gẹ ba chấm); cầu gai sọ dừa; đèn (rắn nước);... Ngoài ra, ở khu vực ven biển Phú Yên còn có các loài sò biển, ốc biển, hàu,...

Đặc biệt, khu vực quanh các đảo ven bờ ở Phú Yên có các rạn san hô, hệ sinh thái cỏ biển, rong biển phong phú và rất đẹp.



Hình 2.6. San hô ở Hòn Yến (huyện Tuy An)
(Ảnh: Nguyễn Hữu Xuân)



Hình 2.7. Thảm rong biển lúc thủy triều rút ở Hòn Yến (huyện Tuy An)
(Ảnh: Nguyễn Thị Ngạn)

2. Vai trò của tài nguyên sinh vật ở tỉnh Phú Yên



Phân tích vai trò của tài nguyên sinh vật đối với tự nhiên và sự phát triển kinh tế của tỉnh Phú Yên.

Ngoài vai trò chung, tài nguyên sinh vật ở tỉnh Phú Yên có các giá trị đặc biệt như sau:

2.1. Đối với tự nhiên

Là tỉnh vừa có diện tích đồi núi rộng lớn vừa giáp biển, rừng ở Phú Yên có vai trò vô cùng to lớn trong việc điều hoà khí hậu, làm sạch không khí, cung cấp môi trường sống cho các loài động thực vật. Ở khu vực miền núi, rừng có vai trò lớn trong việc phòng hộ đầu nguồn các con sông để ngăn lũ quét (như các khu rừng đầu nguồn sông Trà Bường thuộc xã Sơn Hội huyện Sơn Hoà, rừng phòng hộ quy mô lớn ở xã Phú Mỹ huyện Đồng Xuân, rừng phòng hộ Sông Hinh). Ở các địa phương ven biển như thành phố Tuy Hoà, thị xã Sông Cầu và huyện Tuy An, các dải rừng phi lao có vai trò phòng hộ ven biển, chống cát bay và xâm thực bờ biển.



Hình 2.8. Rừng phi lao ven biển thị xã Đồng Hoà
(Ảnh Phương Nam)

Rừng là nơi lưu giữ và bảo tồn đa dạng sinh học. Nguồn tài nguyên động vật rừng ở Phú Yên có giá trị lớn về nguồn gen, có nhiều loài động vật quý hiếm, đặc biệt là ở khu bảo tồn thiên nhiên Krông Trai, khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Đèo Cả.

Em có biết?

• Khu bảo tồn thiên nhiên Krông Trai

Khu bảo tồn thiên nhiên Krông Trai thuộc địa phận hai xã Krông Trai và Krông Pa, huyện Sơn Hoà. Khu bảo tồn này có diện tích 22 290 ha, trong đó có 16 005 ha rừng tự nhiên (chiếm 72% tổng diện tích). Khu bảo tồn có 3 kiểu thảm thực vật chính: rừng kín thường xanh (1 003 ha), rừng nửa rụng lá (7 111 ha) và rừng rụng lá (7 891 ha). Rừng kín thường xanh phân bố ở các đỉnh núi cao, rừng nửa rụng lá phân bố ở độ cao thấp hơn. Ngoài ra, trong khu bảo tồn còn có các sinh cảnh khác như: trảng cỏ, cây bụi, đầm lầy,...

Khu bảo tồn thiên nhiên Krông Trai có khoảng 236 loài thực vật và 262 loài động vật có xương sống ở cạn, trong đó có 50 loài thú, 182 loài chim, 22

loài bò sát và 8 loài lưỡng cư. Thực vật quý hiếm có 9 loài, trong đó có 3 loài ghi trong sách đỏ Việt Nam. Động vật quý hiếm có 7 loài, trong đó có 2 loài ghi trong sách đỏ Việt Nam.

• Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Đèo Cả

Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Đèo Cả thuộc địa phận hai xã Hoà Xuân Nam và Hoà Tâm, thị xã Đông Hoà. Khu bảo tồn có tổng diện tích 8 740 ha. Rừng thuộc khu bảo tồn có hệ động thực vật phong phú. Hiện nay, khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Đèo Cả đang bảo tồn hàng trăm loài động, thực vật. Có nhiều loài đặc hữu và quý hiếm (thực vật quý hiếm có 6 loài, trong đó có 1 loài được ghi trong sách đỏ Việt Nam; động vật quý hiếm có 8 loài, trong đó có 1 loài được ghi trong sách đỏ Việt Nam). Rừng có nhiều loài cây gỗ quý và đặc trưng như: chò, trâm, dẻ, cà ná, cẩm, thị. Động vật có các loài như: trĩ sao, khỉ mặt đỏ, gấu ngựa, gấu chó, tê tê, báo hoa, nhím, khỉ, sóc và nhiều loài chim.

2.2. Đối với phát triển kinh tế – xã hội

Tài nguyên sinh vật ở tỉnh Phú Yên có giá trị vô cùng to lớn:

- Là nơi cung cấp và lưu giữ nguồn dược liệu quý: Ở Phú Yên, có nhiều loài dược liệu quý, đặc biệt là cam thảo Đá Bia (loài cam thảo sống ở núi Đá Bia thuộc thị xã Đông Hoà). Đây là loài cam thảo quý có nguy cơ tuyệt chủng.
- Phát triển du lịch tham quan, lặn biển (du lịch tham quan – sinh thái ở cao nguyên Vân Hoà; du lịch tham quan – lặn biển ngắm san hô ở Hòn Yến, Hòn Nưa,...).
- Phát triển nghề khai thác thủy, hải sản ở các địa bàn ven biển tỉnh Phú Yên, nhờ đó tạo nhiều việc làm cho người dân. Toàn tỉnh Phú Yên có khoảng 7 700 lao động tham gia sản xuất trên biển và khoảng 1 600 lao động làm nghề cá ven bờ.
- Là nguồn ẩm thực hấp dẫn, thu hút khách du lịch: cá ngừ đại dương, sò huyết đầm Ô Loan, mực, hào,...

Em có biết?

Cây cam thảo Đá Bia có thân dạng dây leo, có thể dài tới 10 m, ít phân cành. Vỏ thân màu trắng xám, rễ có vị ngọt (vị ngọt gấp 1 000 lần đường sucrose trong mía). Cây có cụm hoa mọc ở kẽ lá, hoa có cuống ngắn. Mùa hoa trái của cây cam thảo Đá từ tháng Tư đến tháng Bảy. Những cây không bị chặt phá có khả năng ra hoa hằng năm. Hoa ra nhiều nhưng tỉ lệ hạt nảy mầm rất thấp. Cây mọc chồi vào đầu mùa mưa và thường mọc ở rừng kín xanh ẩm, trên núi đất có nhiều đá, độ cao khoảng 500 m. Cây ưa ẩm, ưa sáng và chịu bóng. Tại Việt Nam, cây cam thảo Đá Bia mới chỉ phát hiện ở Phú Yên. Cây cam thảo Đá Bia là nguồn dược liệu quý hiếm, có thể góp phần ngăn ngừa bệnh tiểu đường. Rễ cây được dùng thay cam thảo bắc, làm thuốc ho rất tốt.



LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

1. Lập bảng thống kê các nhóm đất chính ở tỉnh Phú Yên theo mẫu sau:

TT	Tên nhóm đất chính	Phân bố	Giá trị sử dụng

2. Lập bảng thống kê các kiểu rừng ở tỉnh Phú Yên theo mẫu sau:

TT	Tên kiểu rừng	Phân bố (địa bàn, độ cao địa hình)	Đặc điểm thực vật

3. Sưu tầm hình ảnh về các nguyên nhân làm suy thoái đất nông nghiệp hoặc suy giảm tài nguyên rừng ở tỉnh Phú Yên. Thuyết trình trước lớp về những hình ảnh đã sưu tầm được.

VẬN DỤNG

Học sinh làm việc theo nhóm, mỗi nhóm chọn 1 trong 2 dự án sau:

1. Lập dự án khai thác và bảo vệ tài nguyên đất trong hoạt động trồng lúa/ cây hoa màu/ cây công nghiệp,... nơi em sinh sống.

Thời gian hoàn thành dự án: 1 tuần.

2. Lập dự án khai thác và bảo vệ tài nguyên rừng/ tài nguyên sinh vật biển nơi em sinh sống.

Thời gian hoàn thành dự án: 1 tuần.

Các yêu cầu của dự án:

- Tên dự án.
- Lập kế hoạch dự án gồm các nội dung: tên công việc, phương tiện thực hiện, người thực hiện, thời gian thực hiện, dự kiến sản phẩm.
- Dự kiến kinh phí (nếu có).

Thơ ca trên vùng đất Phú Yên



MỤC TIÊU

- Khái quát được những thông tin cơ bản về văn học viết trên vùng đất Phú Yên.
- Hiểu được về nội dung và nghệ thuật các bài thơ “Làng Phú Thạnh”, “La Hai tháng Tư”.
- Biết cách phân tích tác dụng của các từ láy và biện pháp tu từ được sử dụng trong hai bài thơ “Làng Phú Thạnh” và “La Hai tháng Tư”.
- Bồi dưỡng lòng yêu quê hương, ý thức trách nhiệm đối với quê hương Phú Yên.
- Biết cách viết đoạn văn/ bài văn trình bày cảm nhận về đoạn thơ/ bài thơ.
- Biết cách sưu tầm, phân loại thơ.



KHỞ ĐỘNG

Trên cơ sở yêu cầu học sinh sưu tầm, tìm hiểu thơ Phú Yên ở nhà, giáo viên tổ chức cho học sinh chơi trò *Đố thơ*. Giáo viên đọc những câu thơ Phú Yên tiêu biểu, học sinh xung phong trả lời những câu thơ ấy nằm trong bài thơ nào, tác giả là ai.



KHÁM PHÁ

TRI THỨC ĐỌC HIỂU

Trong hơn 400 năm hình thành và phát triển (tính từ năm 1611 khi phủ Phú Yên được thành lập), văn học viết Phú Yên phát triển phong phú, đa dạng, đạt nhiều thành tựu với nhiều thể loại khác nhau. Trong đó nổi bật nhất, đạt được nhiều giá trị nhất phải kể đến thơ. Thơ Phú Yên phát triển qua nhiều thời kì, giai đoạn khác nhau và có nhiều đóng góp vào kho tàng thơ ca của dân tộc.

– Thời kì trung đại: thơ Phú Yên ít phát triển, ít thành tựu, chủ yếu là thơ vịnh cảnh, tỏ chí của những nhà nho như Phan Thanh Giản, Nguyễn Trường Tộ, Lê Thành Phương, Võ Trứ,...

– Thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng 8 năm 1945: thơ Phú Yên vẫn chưa phát triển mạnh mẽ, số lượng tác phẩm còn ít với những tên tuổi như: Đỗ Huy Nhiệm, Đặng Ngọc Cư,...

– Thời kì từ năm 1945 đến nay: thơ Phú Yên phát triển mạnh mẽ với số lượng tác phẩm lớn, thể loại đa dạng, chất lượng nghệ thuật ngày càng được nâng cao, có nhiều đóng góp cho nền văn học của dân tộc với những tên tuổi như: Nguyễn Mỹ, Thanh Quế, Liên Nam, Phan Hoàng, Lê Thiếu Nhơn,...

VĂN BẢN ĐỌC

LÀNG PHÚ THẠNH

Thanh Quế

Làng Phú Thạnh nơi anh sinh ra
Dầm gốc bàng
Một cây đa
Nhiều đụn cát
Đất khô khốc, bông mọc trên sỏi đá
Những ngôi nhà mái rạ gió xô...
Nơi anh cùng bạn bè thuở nhỏ
Đá bóng bên rơm khô
Ít đi học
Lêu lổng chơi trò đánh giặc
Bên bầu ngòi rủ nhau trưa tắm mát
Chẳng ai dạy câu buồn vẫn ngồi hát nghêu ngao.

Anh lớn lên
Đi khắp đất nước thân yêu
Được thấy nhiều nơi, được học nhiều chữ
Bao cảnh đẹp say lòng đất lạ
Những phố phường níu bước chân anh
Nơi sinh ra, anh ít lần ghé lại
Chốn cô đơn xe tàu chẳng hề dừng.

Đến bây giờ tuổi đã bốn mươi hơn
Lo nhiều hơn, nghĩ nhiều hơn, đã nhiều nếm trải
Đêm anh thường giật mình thức dậy

Nhớ nôn nao làng nhỏ sinh mình
Như chiếc lá vẫn muốn bay về cội
Bao cơn bão đời đau anh vẫn nhớ về nguồn.

Đến bây giờ tuổi đã bốn mươi hơn
Ngồi ngắm lại những bài thơ anh viết
Bao vùng đất, bao con người, bao cảnh đẹp
Làng quê anh sao chưa có câu nào

Cái làng nghèo suốt một đời trung thực
Dăm gốc bàng
Nhiều đụn cát
Gió xô...

(Trích trong Văn học Phú Yên 400 năm,
Hội Văn học nghệ thuật Phú Yên, NXB Văn học, 2011)

* Thanh Quế tên khai sinh là Phan Thanh Quế, sinh ngày 26/2/1945 tại làng Phú Thạnh, xã An Chấn, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Ông là nhà văn, nhà thơ nổi tiếng, nguyên Ủy viên Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam, nguyên Chủ tịch Hội Văn nghệ Đà Nẵng. Năm 2012, ông được trao tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật. Tác phẩm chính của ông: *Tên em, khuôn mặt em* (thơ in chung, 1975); *Tình yêu nhận từ đất* (thơ in chung, 1977); *Cát cháy* (truyện dài, 1983); *Giải bày* (thơ, 1988); *Từ những trang đời* (hồi kí, 2001); *Tuyển tập truyện ngắn Thanh Quế* (truyện ngắn, 2003);...

• Hướng dẫn đọc hiểu

1. Bố cục bài thơ có gì đặc biệt? Nêu ý nghĩa của việc sử dụng bố cục này trong việc thể hiện ý nghĩa bài thơ.
2. Trong kí ức của nhân vật trữ tình, hình ảnh làng Phú Thạnh hiện lên qua những hình ảnh nào? Những hình ảnh ấy cho thấy tình cảm của nhân vật trữ tình dành cho quê hương ra sao?
3. Nhân vật trữ tình bày tỏ tâm sự gì khi “tuổi đã bốn mươi hơn”?
4. Nêu chủ đề của bài thơ.

Ghi nhớ

Bài thơ thể hiện nỗi nhớ, niềm thương, sự gắn bó sâu nặng dành cho quê hương, đồng thời cũng bày tỏ một chút trăn trở, day dứt vì những điều chưa làm được cho quê hương.

VĂN BẢN ĐỌC MỞ RỘNG

LA HAI THÁNG TƯ

(Trích)

La Hai mùa nam non

Sáng tháng Tư mù sương

Chiều tháng Tư nồm mát

Nắng tháng Tư dịu dàng.

Con ong say tìm mật

Quê ta ngọt mía đường

Em hỏi: mùa nào đẹp?

Anh bảo: mùa nhớ thương.

La Hai ta tha thiết,

Nhìn ong nhớ núi ngàn.

Đàn chim chiều về đó,

Hà Đang ơi Hà Đang!⁽¹⁾

Xuân Tính

* Xuân Tính tên khai sinh là Bùi Tân, sinh năm 1929 tại xã Xuân Phước, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Ông là hội viên Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Tổng Thư ký Hội Văn nghệ dân gian và văn hoá các dân tộc tỉnh Phú Yên. Tác phẩm chính của ông: *Một thời để nhớ* (thơ, 1992); *Thơ Xuân Tính* (1998),...

⁽¹⁾ Hà Đang: một địa danh thuộc thị trấn La Hai, huyện Đồng Xuân.



Hình 3. Cánh đồng lúa ở thị trấn La Hai, huyện Đồng Xuân
(Nguồn: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Phú Yên)

• **Hướng dẫn đọc mở rộng**

1. Tìm trong đoạn trích những hình ảnh được tác giả dùng để miêu tả La Hai vào tháng Tư. Qua những hình ảnh ấy, bức tranh La Hai hiện lên như thế nào?
2. Nhận xét tình cảm của nhân vật trữ tình dành cho vùng đất La Hai.
3. Chỉ ra và phân tích hiệu quả của những biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn trích.
4. Nêu chủ đề của đoạn trích.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Chỉ ra và nêu hiệu quả của biện pháp tu từ có trong các ngữ liệu sau:

- a. *Làng Phú Thạnh nơi anh sinh ra*
Dẫm gốc bàng
Một cây đa

Nhiều đụn cát
Đất khô khốc, bông mọc trên sỏi đá
Những ngôi nhà mái rạ gió xô...
(Làng Phú Thạnh – Thanh Quế)

- b. Anh lớn lên
Đi khắp đất nước thân yêu
Được thấy nhiều nơi, được học nhiều chữ
Bao cảnh đẹp say lòng đất lạ
Những phố phường níu bước chân anh.
(Làng Phú Thạnh – Thanh Quế)

- c. La Hai mùa nam non
Sáng tháng Tư mù sương
Chiều tháng Tư nồm mát
Nắng tháng Tư dịu dàng.
(La Hai tháng Tư – Xuân Tịch)

2. Tìm và phân tích hiệu quả của các từ láy được sử dụng trong bài thơ “Làng Phú Thạnh” của Thanh Quế và đoạn trích “La Hai tháng Tư” của Xuân Tịch.



LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

1. Viết đoạn văn trình bày cảm nhận về bài thơ/ đoạn thơ em vừa học.

Hướng dẫn:

- a. Chuẩn bị
- Chọn bài thơ/ đoạn thơ mà em yêu thích.
 - Đọc kĩ bài thơ/ đoạn thơ đã chọn.

b. Xác định yêu cầu của đề

– Yêu cầu về hình thức: đảm bảo hình thức một đoạn văn, bắt đầu từ chỗ viết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn. Lưu ý: *khi viết không được ngắt dòng, xuống dòng.*

– Yêu cầu về nội dung: trình bày được suy nghĩ, cảm xúc của bản thân khi đọc bài thơ/ đoạn thơ.

c. Dàn ý

– Mở đoạn: giới thiệu bài thơ/ đoạn thơ, nêu ấn tượng chung về bài thơ/ đoạn thơ.

– Thân đoạn: nêu được cảm xúc, suy ngẫm của bản thân về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/ đoạn thơ.

– Kết đoạn: khái quát lại vấn đề, nêu ý nghĩa của bài thơ/ đoạn thơ với bản thân.

2. Thực hành đọc diễn cảm/ ngâm bài thơ “Làng Phú Thạnh” của Thanh Quế hoặc đoạn trích “La Hai tháng Tư” của Xuân Tịch.

VẬN DỤNG

Sưu tầm, phân loại thơ Phú Yên theo mẫu sau:

STT	Nhan đề bài thơ	Tác giả	Thời kì/ giai đoạn sáng tác

Tìm hiểu nét đẹp văn hoá của hội đua ngựa Gò Thi Thùng



MỤC TIÊU

- Nắm được thông tin về hội đua ngựa Gò Thi Thùng, từ đó hiểu được nét đẹp văn hoá của lễ hội này.
- Từ những hiểu biết về hội đua ngựa Gò Thi Thùng, bồi dưỡng cho bản thân tình yêu quê hương đất nước, ý thức giữ gìn và phát huy những nét đẹp truyền thống, phong tục của địa phương.
- Biết cách thuyết minh/ báo cáo về một lễ hội ở địa phương.



KHOẢNG ĐỘNG

1. Học sinh thi kể tên các lễ hội được tổ chức trong dịp tết Nguyên đán ở Phú Yên.
2. Nêu những điều em biết về hội đua ngựa Gò Thi Thùng ở huyện Tuy An.



KHÁM PHÁ

Hội đua ngựa Gò Thi Thùng

Trong số những lễ hội diễn ra vào dịp tết Nguyên đán ở Phú Yên như: lễ hội sông nước Tam Giang (mùng Năm, mùng Sáu tháng Giêng), hội đua thuyền đầm Ô Loan (mùng Bảy tháng Giêng), hội đua thuyền sông Đà Rằng (mùng Bảy tháng Giêng), lễ hội sông nước Đà Nồng (mùng Tám tháng Giêng), hội thơ Nguyên tiêu Núi Nhạn (rằm tháng Giêng),... thì hội đua ngựa Gò Thi Thùng là một lễ hội độc đáo, chứa đựng nhiều ý nghĩa, thu hút sự tham gia của đông đảo người dân Phú Yên.



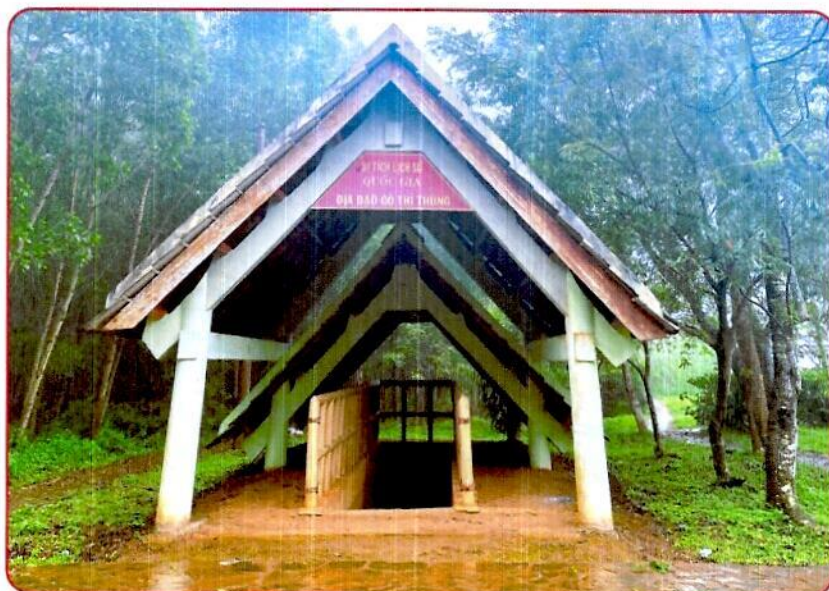
Hình 4.1. Hội đua ngựa Gò Thi Thùng
(Ảnh: Dương Thanh Xuân)

Gò Thi Thùng thuộc thôn Xuân Thành, xã An Xuân, huyện Tuy An. Đây là địa điểm gắn liền với di tích lịch sử Địa đạo Gò Thi Thùng nổi tiếng, nơi ghi dấu nhiều chiến công oanh liệt của quân và dân Phú Yên trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ. Hội đua ngựa được tổ chức vào ngày mùng Chín tháng Giêng hằng năm tại một bãi đất trống ở Gò Thi Thùng. Đường đua hình vòng tròn, chu vi khoảng hơn 500 m, được ban tổ chức rào chắn kĩ lưỡng, an toàn. Trước cuộc đua là màn diễu hành của các “kị sĩ”. Sau khi màn diễu hành kết thúc, các “kị sĩ” tiến hành đua ngựa theo nhiều tốp khác nhau.

Người dân thôn Xuân Thành, xã An Xuân, huyện Tuy An cũng không nhớ chính xác hội đua ngựa có từ lúc nào. Các cụ già trong thôn kể lại rằng trước kia vùng quê này nghèo khó lắm, ngày Tết chẳng có trò vui gì, người dân mới nghĩ đến việc dùng chính những con ngựa thồ hàng hoá, nông sản của mình để đua với nhau cho vui. Lâu dần, việc đua ngựa tự phát ấy phát triển thành lễ hội, được chính quyền địa phương tổ chức như một nếp sinh hoạt văn hoá hằng năm.

Nét độc đáo, thú vị của hội đua ngựa Gò Thi Thùng ở chính tính chất dân dã của nó. Người đua ngựa không phải là những kị sĩ chuyên nghiệp mà là những người nông dân chân chất của địa phương. Ngựa đua cũng không được chăm nuôi, huấn luyện một cách chuyên nghiệp mà chính là những chú ngựa chở hàng, kéo xe thường ngày của người dân địa phương. Kị sĩ trên đường đua không quy định trang phục mà ăn mặc tự do như lối ăn mặc thường ngày của người dân.

Hội đua ngựa Gò Thi Thùng là một sinh hoạt văn hoá chứa đựng nhiều ý nghĩa, thể hiện tinh thần thượng võ của người dân nơi đây, tạo niềm vui cho người dân trong ngày xuân, đồng thời giáo dục thế hệ trẻ về truyền thống yêu nước của vùng đất anh hùng này.



Hình 4.2. Địa đạo Gò Thi Thùng – nơi ghi dấu những trận đánh oanh liệt của quân dân ta (Ảnh: Phương Nam)



LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

Học sinh lựa chọn đáp án đúng.

1. Hội đua ngựa Gò Thi Thùng diễn ra vào thời gian nào?

A. Mừng Sáu tháng Giêng

B. Mừng Bảy tháng Giêng

C. Mừng Tám tháng Giêng

D. Mừng Chín tháng Giêng

2. Gò Thi Thùng gắn liền với di tích lịch sử nổi tiếng nào?

A. Chiến khu Gò Thi Thùng

B. Căn cứ Gò Thi Thùng

C. Địa đạo Gò Thi Thùng

D. Đình Gò Thi Thùng

3. Ý nào dưới đây không thể hiện đúng ý nghĩa của hội đua ngựa Gò Thi Thùng?

A. Thể hiện tinh thần thượng võ B. Bày tỏ sự biết ơn thần linh

C. Tạo niềm vui trong ngày xuân D. Giáo dục truyền thống yêu nước

VẬN DỤNG

Thực hiện báo cáo về một lễ hội ở địa phương.

*** Gợi ý:**

Học sinh làm việc theo nhóm. Mỗi nhóm thảo luận, chuẩn bị bài báo cáo; có thể theo hướng sau:

I. Chuẩn bị báo cáo

– Trao đổi, thảo luận, chọn vấn đề nghiên cứu (chọn một trong các vấn đề: đặc trưng, ý nghĩa của lễ hội hoặc một số hoạt động tiêu biểu của lễ hội,...).

– Sơu tầm thông tin, tư liệu, hình ảnh,... về vấn đề nghiên cứu.

– Lập đề cương báo cáo.

II. Yêu cầu về nội dung của báo cáo

Báo cáo ngắn gọn về vấn đề nghiên cứu.

III. Gợi ý thu thập tài liệu

Có thể giới thiệu tranh ảnh, tài liệu, trang web,...

IV. Giới thiệu thông tin, hình ảnh, tư liệu về lễ hội

Vai trò của âm nhạc truyền thống trong đời sống văn hoá một số dân tộc tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Phú Yên



MỤC TIÊU

- Trình bày được vai trò của âm nhạc truyền thống trong đời sống văn hoá của một số dân tộc tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Phú Yên.
- Hát được một làn điệu dân ca của địa phương em mà em yêu thích.



KHỞI ĐỘNG

Xem trích đoạn lễ hội Trống đôi, Cồng ba, Chiêng năm ở huyện Đồng Xuân và nêu cảm nhận của em sau khi xem.



KHÁM PHÁ

Âm nhạc truyền thống giữ vai trò quan trọng trong đời sống văn hoá tinh thần của cộng đồng các dân tộc cộng cư lâu đời trên vùng đất Phú Yên. Âm nhạc truyền thống là yếu tố không thể tách rời trong những hoạt động lễ hội, lễ nghi, tín ngưỡng. Âm nhạc góp phần tạo nên sự đa dạng bản sắc văn hoá; là sợi dây gắn kết các thành viên trong cộng đồng; là phương tiện để giao lưu, hội nhập.

1. Vai trò của âm nhạc truyền thống trong các lễ hội, tín ngưỡng



Dựa vào những thông tin sau và kiến thức cá nhân, em hãy kể tên các lễ hội hoặc lễ nghi, tín ngưỡng ở Phú Yên có sử dụng âm nhạc truyền thống.

a. Âm nhạc truyền thống trong lễ hội, tín ngưỡng của người Kinh

Người Kinh có nhiều lễ hội, tín ngưỡng, trong đó sử dụng nhiều loại hình âm nhạc khác nhau, nhưng điển hình nhất là lễ hội cầu ngư. Đây là sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng của cộng đồng ngư dân vùng biển Phú Yên. Âm nhạc dùng trong buổi lễ cầu ngư là hát bả trạo và hát tuồng.

Hát bả trạo là một loại hình nghệ thuật diễn xướng dân gian mang tính chất nghi lễ trong lễ cầu ngư ở Phú Yên. Một đội từ 20 người trở lên, trong đó có tổng bả trạo hát lĩnh xướng và con trạo hát phụ họa kết hợp với động tác chèo thuyền. Đây là loại hình diễn xướng tổng hợp các điệu hát nam, hát khách, điệu hò,...; chủ yếu do người dân địa phương thực hiện.

Hát tuồng (hát bội) là loại hình nghệ thuật không thể thiếu trong lễ hội cầu ngư; chủ yếu là hát các tuồng tích như: “Tiết Nhơn Quý chinh đông”, “Lưu Kim Đỉnh hạ san”, “Mộc Quế Anh dâng cây”,...do các đoàn hát tuồng thực hiện.



Hình 5.1. Hát bả trạo trong lễ cầu ngư ở Phú Yên
(Ảnh: Nguyễn Danh Hạnh)

b. Âm nhạc truyền thống trong lễ hội, tín ngưỡng của người Êđê

Theo quan niệm của người Êđê ở Phú Yên, thì lễ hội, lễ nghi, tín ngưỡng phải có âm nhạc. Có thể nói, cồng, chiêng có mối liên hệ hữu cơ với mỗi sự kiện trọng đại của buôn làng.

Người Êđê ở các huyện miền núi: Sông Hinh, Sơn Hoà và Đồng Xuân có lễ cúng trưởng thành. Đây là một trong những nghi lễ truyền thống tiêu biểu của người Êđê sinh sống trên địa bàn tỉnh Phú Yên; là một nghi lễ vòng đời được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch công nhận là Di sản văn hoá phi vật thể quốc gia. Âm nhạc sử dụng trong nghi lễ là cồng chiêng và hát cầu cúng. “Bài chiêng cúng trưởng thành” sẽ được tấu lên trước khi thầy cúng hát những lời khấn cầu.

Trong các lễ như: lễ đặt tên cho con, lễ trưởng thành, mừng lúa mới, cầu mưa, hỏi cưới, mừng nhà mới, bỏ mả,... đều không thể thiếu âm thanh cồng, chiêng. Tiết tấu cồng, chiêng thay đổi theo từng nghi thức để diễn tả tâm trạng của con người.

Thông qua tiếng cồng, chiêng và những giai điệu cầu, cúng mà chuyển lời thỉnh cầu tới “Giàng” (trời) và các bậc thần linh, cầu mong những điều tốt đẹp đến với gia đình, buôn làng, mong mùa màng bội thu, dân làng làm ăn phát đạt và ấm no, hạnh phúc, yên bình, tránh mọi tai ương.



Hình 5.2. Lễ cúng trưởng thành của người Êđê ở Phú Yên được công nhận là Di sản văn hoá phi vật thể quốc gia
(Ảnh: Dương Thanh Xuân)

c. Âm nhạc truyền thống trong lễ hội, tín ngưỡng của người Chăm H'roi và người Bana

Các lễ hội, lễ nghi, tín ngưỡng của người Chăm H'roi và người Bana ở Phú Yên không thể thiếu “Trống đôi, Cồng ba, Chiêng năm”. Đây là sự kết hợp độc đáo giữa văn hoá hai dân tộc Chăm H'roi và Bana.

Trong lễ mừng sức khoẻ của người Chăm H'roi buôn Hà Rai, xã Xuân Lãnh, huyện Đồng Xuân không thể thiếu màn hoà tấu Trống đôi, Cồng ba, Chiêng năm. Nghệ thuật trình diễn Trống đôi, Cồng ba, Chiêng năm của đồng bào Bana và Chăm H'roi độc đáo ở sự phối hợp hài hoà giữa các loại nhạc cụ, đặc biệt là sự biến ảo của màn diễn tấu Trống đôi (K'toang). Đây là điểm nhấn thể hiện sự linh thiêng và lời thỉnh cầu của người Chăm H'roi gửi đến các đấng thần linh.

Trong lễ hội đâm trâu, người Bana dùng các nghi thức tế thần linh để ăn mừng chiến thắng, mừng mùa màng bội thu, mừng lễ hội mùa xuân hay mừng các sự kiện trọng đại trong năm. Sau khi thực hiện nghi thức hiến sinh con trâu kết hợp với việc nhảy múa trong tiếng chiêng rộn rã, những người Bana tham gia lễ hội bày tỏ tình cảm của mình với con trâu bằng bài hát “Khóc trâu”. Bài hát có lời tự sự mộc mạc:

*“Con trâu đã nuôi lớn đến giờ
Hôm nay buồn làng giết mày
Chúng tôi nuôi trâu bên phải có cỏ
Bên trái cái sừng đã dài
Bây giờ mang giết đi tế Giàng.”*

(Nguyễn Đình Lâm)



Hình 5.3. Múa Trống đôi của người Chăm H'roi ở Phú Yên
(Ảnh: Nguyễn Danh Hạnh)

2. Âm nhạc truyền thống góp phần tạo nên sự đa dạng trong bản sắc văn hoá các dân tộc

Âm nhạc truyền thống của cộng đồng các dân tộc tiêu biểu cộng cư lâu đời trên vùng đất Phú Yên rất đa dạng và đặc sắc, thể hiện trong kho tàng dân ca, nhạc cụ, gắn liền với đời sống văn hoá, tinh thần của mỗi dân tộc, góp phần tạo nên sự đa dạng trong bản sắc văn hoá truyền thống của Phú Yên.

Cộng đồng người Bana ở các huyện miền núi Phú Yên ngày nay vẫn duy trì hình thức hát đối đáp – giao duyên trong ngày lễ hội hay ngày tết cổ truyền. Thể loại này được hát dưới hình thức hát tập thể trai gái hoặc hát song ca nam nữ. Nội dung bài hát nhằm truyền đạt những kinh nghiệm sống, lời căn dặn trước khi đôi trẻ thành thân. Sau đây là một đoạn bài hát trong đám cưới của người Bana:

“Bây giờ hai người đã thành hôn

Lá cũng đã đủ đôi

Trái ổi cũng đã đủ cặp

Lá trâu cũng đã đủ đôi

Hôm nay hai người đã là một đôi

Chính thức trở thành một cặp vợ chồng

Sau này phải sống tốt với bố mẹ, ông bà và các con...”

(Nguyễn Đình Lâm)

Người Bana duy trì và phát huy hoà tấu nhạc cụ “Cồng ba, Chiêng năm” trong các dịp lễ hội quan trọng của buôn làng, gia đình và phục vụ nhu cầu giải trí.

Làn điệu H’ri, một làn điệu dân ca xuất phát từ trong lao động, sản xuất được người Chăm H’roi lưu truyền từ bao đời nay, sử dụng rộng rãi trong các dịp hội làng, đám ma, đám cưới,... Âm nhạc không mang tính cố định mà phụ thuộc vào ngữ cảnh và nội dung bài hát. Trong những đêm trăng và đêm hội làng, các chàng trai, cô gái sử dụng làn điệu H’ri để hát đối đáp, trao lời thề, lời nguyện ước. Trong sinh hoạt gia đình, làn điệu H’ri là lời ru người mẹ dùng căn dặn con về điều hay, lẽ phải và dạy con sau này lớn lên làm người có ích cho xã hội.

“Mẹ cha sẽ dạy con

Làm sao cày sâu cuốc bẫm

Làm rẫy được mì, khoai

Thương anh em làng xóm

Đoàn kết chung nhau sinh sống.”

Nhạc cụ điển tấu của người Chăm H'roi cũng đa dạng như: Đinh goong, Ka nhi, Bró,... Tuy nhiên, đặc sắc nhất phải kể đến “Trống đôi”, là loại nhạc cụ được công nhận Di sản văn hoá quốc gia, kết hợp với “Cồng ba, Chiêng năm” trình diễn trong lễ hội văn hoá tổ chức tại thôn Xí Thoại, huyện Đồng Xuân. Đây là nét văn hoá đặc trưng của đồng bào thiểu số ở huyện Đồng Xuân, Phú Yên.

Người Êđê ở Phú Yên sử dụng hát Khan (hát sử thi) trong các nghi lễ như: lễ mừng thu được 100 gùi lúa trong một mùa rẫy, lễ cưới, lễ mừng thọ, lễ rước Kpan,... Chính vì vậy, sử thi có sức lôi cuốn, hấp dẫn người nghe đến kì lạ, giúp họ quên đi những nhọc nhằn của cuộc sống lao động thường ngày, đồng thời tiếp thêm nghị lực để vững tin vào tương lai, tránh xa những điều tầm thường, vươn lên sống tốt đẹp hơn. Nhạc cụ người Êđê ở Phú Yên đa dạng như: đàn T'rưng, kèn Đinhpah,... nhưng nổi trội là dàn cồng, chiêng. Cồng chiêng được sử dụng trong tất cả các hoạt động lễ hội quan trọng của gia đình, buôn làng. Không gian văn hoá cồng chiêng đã trở thành Kiệt tác truyền khẩu và Di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại; nhạc cụ cồng, chiêng của người Bana và người Êđê ở miền núi Phú Yên cũng là một bộ phận góp phần làm phong phú sắc màu văn hoá cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam nói chung và các dân tộc ở Phú Yên nói riêng.

Người Kinh Phú Yên có nhiều làn điệu dân ca, trong đó đặc trưng nhất là làn điệu hát ru đã in sâu vào tiềm thức mỗi người, được truyền lại một cách tự nhiên qua nhiều thế hệ. Hát ru Phú Yên có âm điệu nhẹ nhàng và cách hát đưa hơi rất đặc trưng. Nội dung những bài hát ru nhằm ru trẻ con ngủ, đồng thời gửi gắm những lời dạy và tình cảm chứa chan để giáo dục, nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ lớn lên theo lời ru.

“Hời... ơi... hời

Một mai hơ con cá hoá rồng...

Đền ơn mà cha mẹ hờ à à à kéo công ở sanh thành”.

Nhạc cụ của người Kinh cũng có rất nhiều loại, đạt tới độ hoàn thiện cao. Trong đó nổi bật là đàn đá, kèn đá Tuy An, là nét độc đáo của văn hoá Phú Yên nói riêng và Việt Nam nói chung.

Nhìn chung, kho tàng âm nhạc truyền thống của Phú Yên vô cùng phong phú, đặc sắc, góp phần tạo nên bản sắc văn hoá riêng của tỉnh. Theo dòng chảy thời gian, cùng với sự sáng tạo của Nhân dân, âm nhạc truyền thống cũng được làm mới để phù hợp với xu hướng hiện đại, từ đó góp phần làm giàu thêm cho nền âm nhạc của Phú Yên.

3. Âm nhạc gắn kết các thành viên trong cộng đồng

Âm nhạc truyền thống gắn liền với các giai đoạn của đời sống con người. Đó là những khúc hát ru thuở nằm nôi, bài đồng dao tuổi thơ, bài hát giao duyên, bài ca sinh hoạt, bài nhạc hiệu ra trận, bài hát trong lao động sản xuất, bản nhạc tiễn đưa khi qua đời; những câu hò, điệu hát mang ý nghĩa giáo dục tinh thần đoàn kết

tương trợ, gắn bó với nhau, khích lệ nhau vượt qua khó khăn, giáo dục đạo làm người, tình yêu nước thương nòi,... là phương tiện để các thành viên cộng đồng gửi gắm những tâm tư, tình cảm, ước muốn, kết giao, kết nối với nhau, trở nên gần nhau hơn, hoá giải những mâu thuẫn, bất hoà, tạo sự đoàn kết trong cộng đồng,... Để tăng thêm tình đoàn kết, âm nhạc còn vang lên trong những ngày hội, ngày lễ của cả tộc người.

Có thể nói, âm nhạc hầu như có mặt trong tất cả các loại hình sinh hoạt văn hoá, lao động sản xuất của người dân Phú Yên. Trải qua bao biến thiên của lịch sử, âm nhạc cũng như văn hoá truyền thống của các tộc người vẫn giữ được vẻ mộc mạc, hồn nhiên, lắng đọng nhưng không kém phần tinh tế, bay bổng. Vì vậy, có thể nói âm nhạc truyền thống là chất xúc tác, sợi dây gắn kết giữa các thành viên trong cộng đồng với nhau.



Hình 5.4. Hội bài chòi của người Kinh
(Ảnh: Dương Thanh Xuân)

4. Âm nhạc là phương tiện giao lưu, hội nhập

Trong xu hướng hội nhập, giao lưu, mở ra các cơ hội để tìm hiểu, khai thác, đầu tư, cùng nhau phát triển,... thì nhu cầu về ngoại giao, giao lưu văn hoá, kinh tế giữa các huyện, tỉnh, vùng, lãnh thổ,... ngày càng trở nên cần thiết. Trong đó, hoạt động giao lưu văn hoá nghệ thuật, âm nhạc truyền thống, âm nhạc di sản sẽ đóng vai trò then chốt bởi tính độc đáo, đặc sắc của mỗi vùng miền, quốc gia.

Đàn đá Tuy An được biểu diễn trong các hoạt động giao lưu văn hoá trong nước và quốc tế, trong các hội nghị xúc tiến đầu tư. Trống đôi, Cồng ba, Chiêng năm được biểu diễn trong các lễ hội văn hoá của huyện Đồng Xuân, giao lưu văn hoá với Chungbuk - Hàn Quốc,...



Hình 5.5. Mọi người cùng tham gia lễ hội công chiêng
(Ảnh: Dương Thanh Xuân)



LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

Em hãy nêu vai trò của âm nhạc truyền thống trong đời sống văn hoá của một số dân tộc tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

VẬN DỤNG

Tập hát một làn điệu dân ca ở địa phương hoặc một dân tộc khác mà em biết.

Mĩ thuật truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Phú Yên



MỤC TIÊU

- Trình bày được nghệ thuật trang trí thổ cẩm và điêu khắc tượng nhà mồ của một số dân tộc thiểu số ở Phú Yên.
- Nêu được quy trình tạo một sản phẩm mỹ thuật truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Phú Yên.
- Tạo được sản phẩm có sử dụng yếu tố mỹ thuật truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Phú Yên.
- Có thái độ trân trọng, yêu quý và có ý thức bảo vệ di sản mỹ thuật của các dân tộc thiểu số ở Phú Yên.



KHOẢNG ĐỘNG

Kể tên các dân tộc thiểu số sinh sống ở tỉnh Phú Yên mà em biết.



Hình 6.1. (Ảnh: Dương Thanh Xuân)



Hình 6.2. (Ảnh: Dương Thanh Xuân)



Hình 6.3. (Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)



Hình 6.4. (Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)



KHÁM PHÁ

I. TÌM HIỂU KHÁI QUÁT VỀ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH PHÚ YÊN



Dựa vào những thông tin bên dưới và hiểu biết của em, hãy cho biết:

- Ở tỉnh Phú Yên có bao nhiêu dân tộc cùng sinh sống?
- Nêu một số đặc điểm về văn hoá, kinh tế, xã hội,... của các dân tộc này.

Do vị trí địa lí và điều kiện tạo lập cuộc sống thuận lợi nên vùng đất Phú Yên là địa bàn sinh sống của nhiều thành phần dân tộc. Hiện nay, ở tỉnh Phú Yên có 33 dân tộc anh em cùng sinh sống. Trong đó, các dân tộc thiểu số chủ yếu sống tập trung ở các huyện miền núi phía tây của tỉnh. Nhiều dân tộc đã có từ lâu đời như: Chăm, Êđê, Bana, Hoa,... Sau ngày Miền Nam giải phóng, nhất là sau khi huyện Sông Hinh được thành lập (1985), có nhiều dân tộc từ miền núi phía bắc di cư vào vùng đất Sông Hinh như: Tày, Nùng, Dao, Sán Dìu,...

Người Êđê chiếm đa số và cư trú tập trung ở huyện miền núi Sông Hinh. Họ sống thành từng buôn làng trong những ngôi nhà dài. Nguồn kinh tế chủ yếu là làm nương rẫy, chăn nuôi,....

Người Bana sống thành gia đình lớn gồm nhiều thế hệ trong những ngôi nhà sàn. Nhiều nhà hợp thành buôn, mỗi buôn đều có nhà Rông. Người Bana sinh sống chủ yếu bằng nghề làm rẫy, trồng lúa và hoa màu, chăn nuôi, dệt vải, rèn sắt thép, đan lát, hái lượm,...

Người Chăm sinh sống tập trung ở hai huyện miền núi Đồng Xuân và Sơn Hoà. Buôn làng người Chăm thường ở vị trí có núi rừng với nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú. Nhà ở truyền thống của người Chăm là nhà sàn, khung cột. Nguồn kinh tế chủ yếu là sản xuất lúa nước, chăn nuôi gia súc, gia cầm. Một bộ phận người Chăm làm nghề dệt, làm gốm và buôn bán thuốc nam.

Người Tày, Nùng ở nhà sàn, trồng lúa trên ruộng bậc thang và sinh sống chủ yếu bằng sản xuất nông nghiệp, dệt thổ cẩm.

Ngoài những điểm chung về kinh tế, xã hội, văn hoá, mỗi cộng đồng các dân tộc ở Phú Yên đều có những nét đặc sắc riêng, tạo nên một bức tranh nhiều màu sắc, phong phú về hình thức và sinh động về nội dung cho nền văn hoá của tỉnh Phú Yên. Mỗi khi xảy ra thiên tai hoặc có giặc ngoại xâm, các dân tộc ở tỉnh Phú Yên luôn kề vai sát cánh bên nhau, đoàn kết với nhau để chống lại thiên tai, đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ và xây dựng đất nước.

II. MỘT SỐ LOẠI HÌNH MỸ THUẬT TRUYỀN THỐNG CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH PHÚ YÊN

1. Thổ cẩm

?

Dựa vào thông tin bên dưới, hãy cho biết bố cục, màu sắc, hoa văn trang trí trên thổ cẩm của các dân tộc thiểu số ở tỉnh Phú Yên.

Thổ cẩm là sản phẩm được thực hiện bởi đôi tay khéo léo, tinh tế của những người phụ nữ các dân tộc thiểu số. Thổ cẩm thể hiện nghệ thuật trang trí hoa văn trên vải vô cùng đặc sắc. Từ rất lâu, thổ cẩm đã trở thành một nét văn hoá của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam nói chung và ở Phú Yên nói riêng.

Nguyên liệu dệt thổ cẩm chủ yếu là bông. Để làm được một tấm thổ cẩm phải trải qua nhiều công đoạn: lấy bông, cán bông, cào sợi, se sợi, nhuộm, dệt.

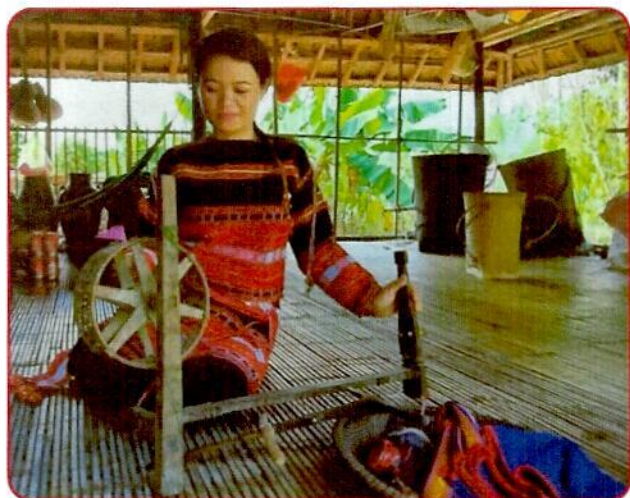
Ngày nay, do nguồn nguyên liệu hạn chế nên nguyên liệu dệt thổ cẩm chủ yếu là sợi công nghiệp, còn cách dệt, hoa văn trang trí, màu sắc vẫn theo lối truyền thống.



Hình 6.5. Dụng cụ cán bông của người Êđê
(Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)



Hình 6.6. Dụng cụ cuốn tơ của người Êđê
(Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)



Hình 6.7. Phụ nữ Bana bên khung quay sợi
(Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)



Hình 6.8. Phụ nữ Êđê căng sợi để chuẩn bị dệt vải
(Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)



Hình 6.9. Phụ nữ Êđê dệt vải
(Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)



Hình 6.10. Phụ nữ Bana dệt vải
(Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)

Việc tạo màu cho sợi vải hoàn toàn dựa vào các nguyên liệu thiên nhiên. Công thức nhuộm màu dựa vào kinh nghiệm nghìn đời của người dân tộc thiểu số khi họ biết được tính năng của các loại lá, vỏ và rễ cây rừng. Màu đen là hỗn hợp của lá chàm hoặc những loại lá có màu xanh sẫm ngâm với bùn tươi. Màu vàng lấy từ củ nghệ hay vỏ cây nhàu. Màu đỏ lấy từ cây krung cổ thụ. Màu nâu thì dùng vỏ cây dẻ. Màu nâu đỏ là hỗn hợp đun sôi của vỏ cây, giấm và phèn chua. Màu xanh lam là lá cây krum hoặc lá chàm kết hợp với vỏ của các loại ốc sống ở suối đem nướng rồi hoà với nước vôi trong,...

Hoa văn trang trí trên thổ cẩm thường là những hình ảnh thiên nhiên quen thuộc như: cỏ, cây, hoa, lá, chim muông, các con thú, hoa trái,... được cách điệu dưới dạng hình học rồi dệt bằng chỉ màu trên nền vải đậm.

Bố cục trang trí trên thổ cẩm thường cân xứng: dải hoa văn chiếm diện tích từ 1/4 đến 1/3 bề mặt tấm thổ cẩm; các họa tiết nhiều hình nét khác nhau (dài, ngắn, thẳng, cong, liền mạch, đứt đoạn,...) được thể hiện lặp lại tạo cho thổ cẩm vẻ đẹp đa dạng, phong phú, hài hoà.



Hình 6.11. Một số chi tiết hoa văn trên thổ cẩm của người Êđê
(Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)



Hình 6.12. Một số chi tiết hoa văn trên thổ cẩm của người Chăm
(Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)



Hình 6.13. Hoa văn trên thổ cẩm của người Bana
(Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)



Hình 6.14. Tấm thổ cẩm thành phẩm của người Êđê
(Ảnh: Ngọc Hạnh)

Mặc dù các dân tộc thiểu số ở tỉnh Phú Yên có chung chất liệu thổ cẩm trong may thêu trang phục, phụ kiện, nhưng thổ cẩm của mỗi dân tộc đều có những nét riêng độc đáo. Tùy từng dân tộc, thổ cẩm sẽ có những đặc điểm nhận diện riêng biệt, với đường thêu, màu sắc, chi tiết trang trí khác nhau đầy tinh tế.

Em có biết?

Trải qua năm tháng, các dân tộc thiểu số luôn có ý thức duy trì nghề dệt thổ cẩm truyền thống của dân tộc mình. Tuy nhiên, những năm gần đây, nhiều nghề thủ công, trong đó có nghề dệt thổ cẩm đứng trước nguy cơ bị mai một. Trong xu thế phát triển kinh tế thị trường, các sản phẩm thủ công nói chung bị cạnh tranh khốc liệt. Số người biết dệt vải, dệt thổ cẩm ngày càng ít đi.

Trước thực tế này, Nhà nước đã có nhiều giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy nghề dệt thổ cẩm của các dân tộc thiểu số như: tổ chức các lớp truyền dạy nghề, trong đó có nghề dệt thổ cẩm truyền thống; tuy nhiên, điều quan trọng nhất vẫn là nuôi dưỡng, bồi đắp tình yêu, niềm tự hào trong mỗi con người, để họ luôn trân trọng, gìn giữ và phát huy những sắc màu văn hoá của dân tộc mình.

2. Trang phục truyền thống



Dựa vào thông tin bên dưới, hãy cho biết đường nét, màu sắc, hoa văn trang trí trên trang phục truyền thống của các dân tộc thiểu số ở tỉnh Phú Yên.

Mỗi dân tộc thiểu số ở tỉnh Phú Yên có cách trang trí trang phục và ăn mặc khác nhau.

a. Trang phục truyền thống của người Êđê

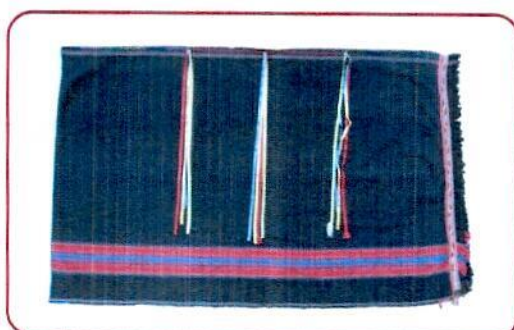
Trang phục truyền thống của người Êđê thường có màu đen hoặc màu chàm. Phụ nữ và đàn ông Êđê có những kiểu trang phục khác nhau. Phụ nữ mặc áo, quần váy; đàn ông mặc áo, đóng khố. Áo của đàn ông có hai loại, áo dài đến đùi và áo dài quá gối.

Áo dài đến đùi có tay áo và thân áo dài, tà xẻ và khoét cổ chui đầu. Trên thân áo và ống tay áo ở ngang ngực, hai bên bả vai, cửa tay, cổ áo, gấu áo được trang trí và viền vải đỏ, trắng. Đặc biệt, ở khu vực giữa ngực áo có mảng hình thang cân sọc ngang là những đoạn chỉ đỏ đan sít vào nhau thành mảng tạo vẻ đẹp và khỏe. Dọc đường xẻ cổ ngực có đính thêm nhiều khuy đồng. Trong khi đó, áo dài quá gối có khoét cổ, ống tay áo không trang trí hoa văn.

Phụ nữ Êđê mặc loại áo cánh ngắn, may kiểu chui đầu. Không giống như áo chui đầu của nam giới, áo chui đầu của phụ nữ khoét cổ cạn hơn, mở rộng cổ về phía vai áo, có đơm thêm hàng khuy để cài.



Hình 6.15. Trang phục của đàn ông Êđê
(Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)



Hình 6.16. Trang phục của phụ nữ Êđê
(Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)

Trang phục của người Êđê thường trang trí hoa văn màu đỏ, vàng, xanh, trắng. Chính nhờ hạn chế về số lượng màu sắc mà người Êđê đã sử dụng một cách nhuần nhuyễn các cặp màu tương phản mạnh như: đỏ – đen; đỏ – trắng; đỏ – vàng; đen – trắng. Sự tương phản về màu sắc và sắc độ làm các màu hoà quyện lẫn nhau, không gây cảm giác loè loẹt, chói mắt.



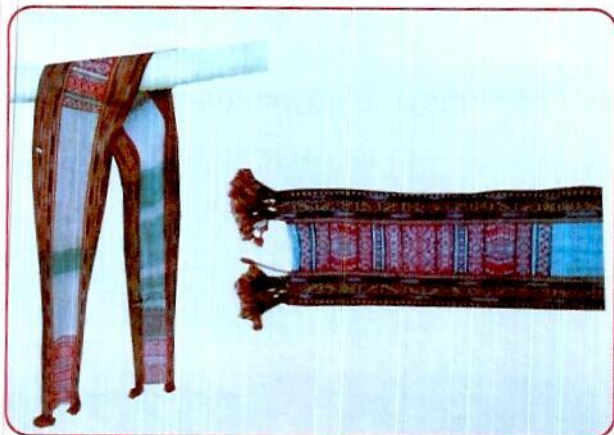
Hình 6.17. Trang phục truyền thống của người Êđê
(Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)

Ngày nay, do ảnh hưởng của quá trình phát triển kinh tế và giao lưu văn hoá với các dân tộc khác, trang phục của người Êđê nói chung ít nhiều có sự thay đổi. Tuy nhiên, người Êđê ở Phú Yên vẫn luôn gìn giữ bản sắc văn hoá của dân tộc mình và luôn tự hào về nghệ thuật trang trí hoa văn, phối màu sắc trên thổ cẩm.

b. Trang phục truyền thống của người Bana

Khác với trang phục của nhiều dân tộc khác, trang phục của người Bana rất giản dị với những đường nét khoẻ khoắn nhưng không kém phần duyên dáng. Đàn ông Bana mặc áo chui đầu, cổ xẻ, hở ngực, cộc tay, đóng khố hình chữ T. Phụ nữ Bana mặc áo chui đầu, không xẻ cổ kết hợp với váy. Váy của phụ nữ Bana không được may mà chỉ là một tấm vải đen quấn quanh phần thân dưới. Trong những ngày lễ, trang phục của người Bana có phần sắc sảo hơn.

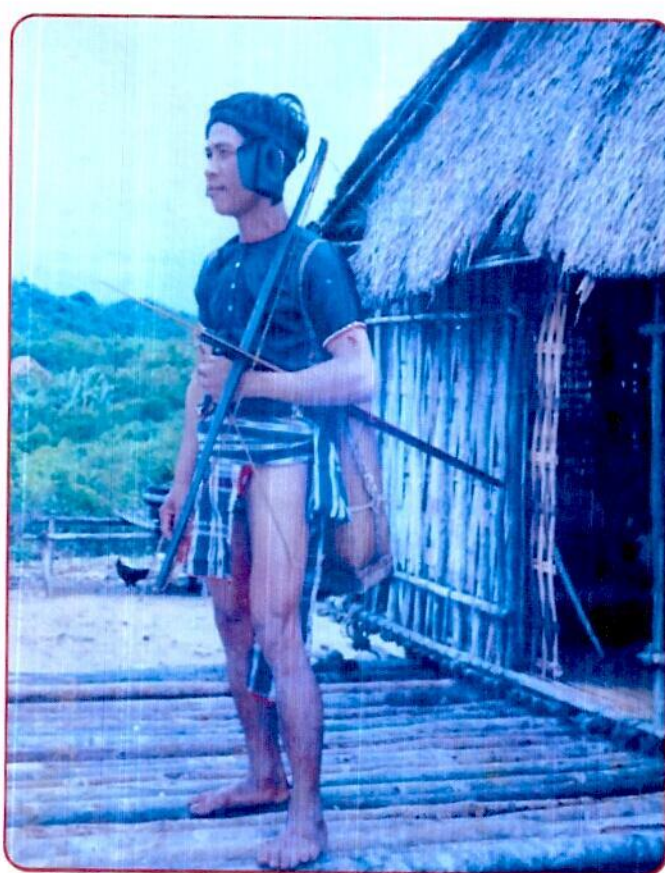
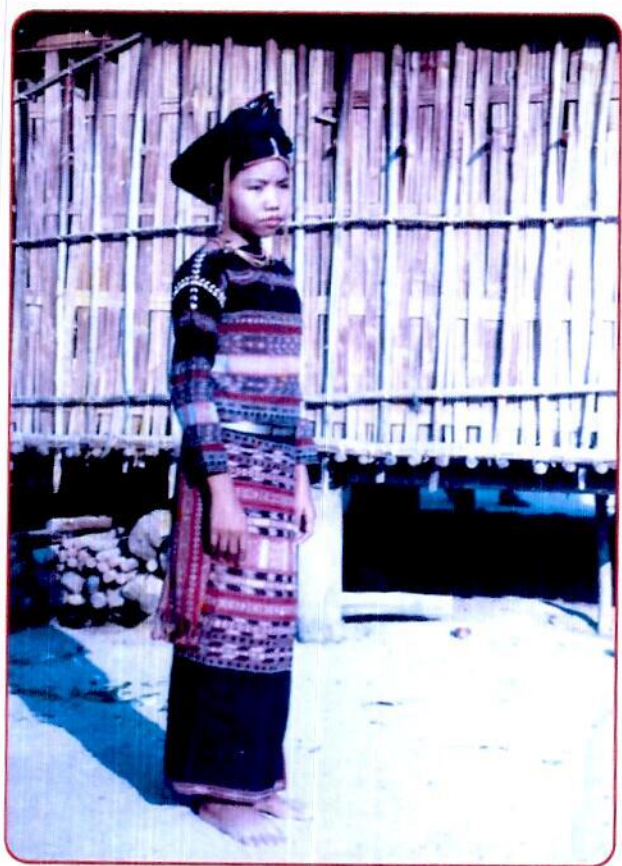
Để làm nên sự độc đáo, tươi mới cho trang phục của mình, người Bana luôn tỉ mỉ, khéo léo trong cách chọn và phối hợp màu sắc.



Hình 6.18. Tấm choàng vai của người Bana
(Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)



Hình 6.19. Khố và hoa văn đầu khố của người Bana
(Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)



Hình 6.20. Trang phục truyền thống của người Bana
(Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)

c. Trang phục truyền thống của người Tày, Nùng

Người Tày, Nùng thường mặc quần áo vải bông nhuộm chàm, may giản dị, ít thêu thùa. Áo của phụ nữ Tày dài đến bắp chân, ống tay hẹp, xẻ bên hông phải, cài 5 khuy.



Hình 6.21. Trang phục truyền thống của người Tày
(Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)

d. Trang phục truyền thống của người Chăm

Bộ trang phục truyền thống của phụ nữ Chăm gồm áo, chân váy bsimbay và khăn đội đầu.

Áo của phụ nữ Chăm mặc trong các dịp lễ hội chỉ là tấm vải thô, trắng trơn, không trang trí hoa văn, cổ tròn tay dài, có hoặc không có khuy cài cúc theo kiểu chui đầu. Cùng với đó là khăn bắt chéo qua vai được trang trí nhiều họa tiết hoa văn đặc sắc, màu chủ đạo luôn là đỏ tươi và vàng óng. Đây là điểm nhấn độc đáo cho bộ trang phục của phụ nữ Chăm.

Váy của phụ nữ Chăm thường là váy mở (aban), được quấn bằng tấm thổ cẩm, không may dính vào nhau. Khi mặc, váy lộn vào bên trong giữ chặt eo hông. Váy thường được trang trí hoa văn phủ kín bề mặt. Để tạo nét duyên rũ, phụ nữ Chăm thường có thêm khăn đội đầu để tăng sắc thái hài hòa.

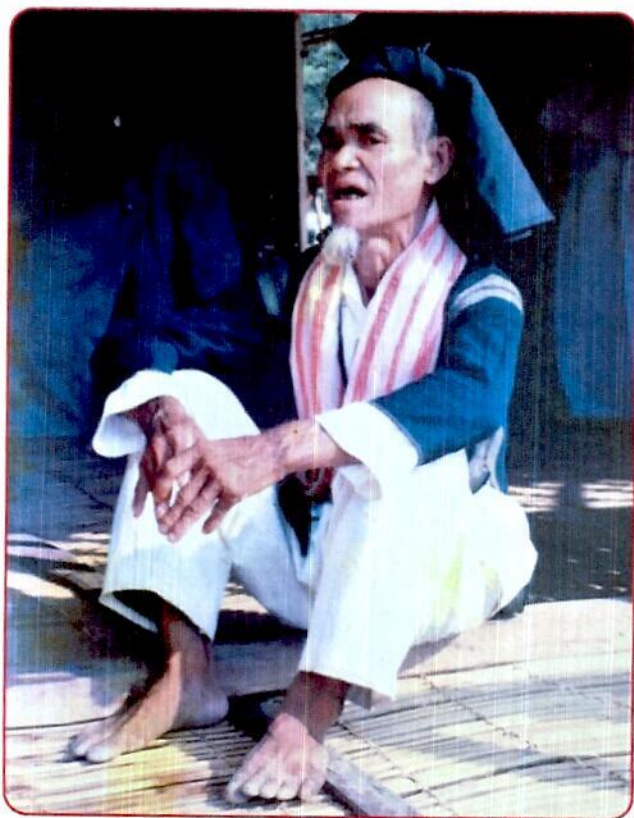
Đàn ông Chăm thường mặc quần màu trắng kết hợp với áo gôm màu đen, tay ngắn, xẻ hai bên, có hoặc không có cúc, cột hai dây màu đỏ trước và sau ngực. Từ đường chỉ đỏ cột vào những sợi dây cườm màu xanh, đỏ, trắng thả xuống gấu áo và mỗi dây cột một đồng xu. Để tăng thêm vẻ đẹp cũng như tính khỏe khoắn cho trang phục, đàn ông Chăm còn quấn thêm khăn nhiều trên đầu, buộc dây ở thắt lưng, đầu búi tóc cài trâm hoặc giắt lược đồi mồi.



Hình 6.22. Phụ nữ Chăm trong trang phục lễ hội
(Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)



Hình 6.23. Váy của phụ nữ Chăm
(Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)



Hình 6.24. Già làng Chăm trong trang phục truyền thống
(Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)



Hình 6.25. Thanh niên Chăm trong trang phục truyền thống
(Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)



Hình 6.26. Khăn đội đầu của phụ nữ Chăm
(Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)



Hình 6.27. Khăn bắt chéo qua vai của phụ nữ Chăm
(Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)

3. Tượng mồ

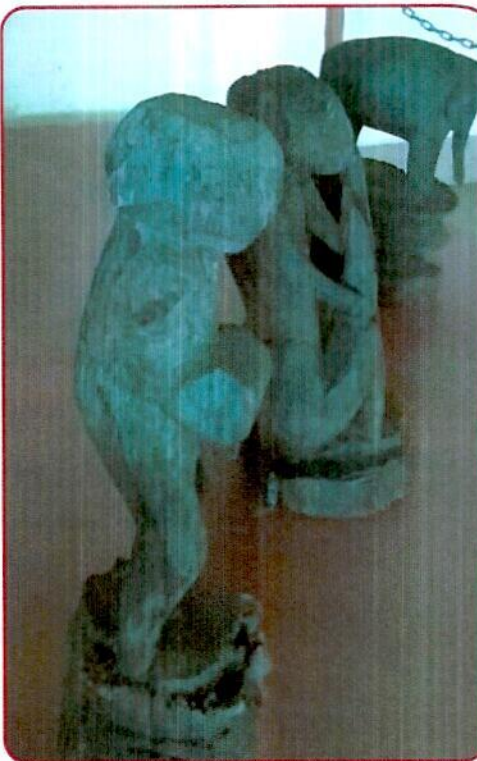
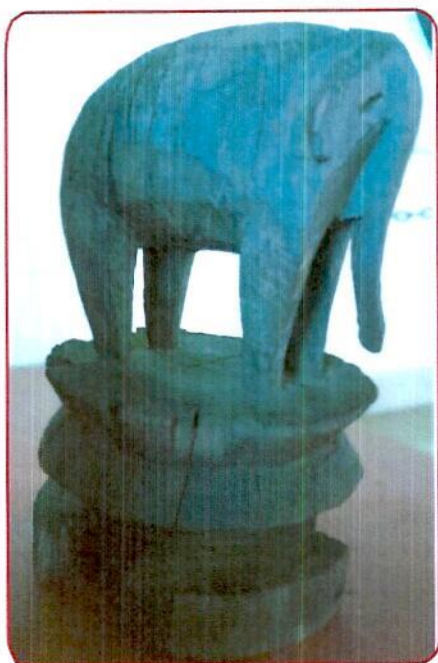
?

Dựa vào thông tin bên dưới, hãy cho biết:

- Các dân tộc thiểu số ở miền núi Phú Yên tạc tượng mồ nhằm mục đích gì?
- Đặc điểm mỹ thuật của tượng mồ các dân tộc thiểu số ở Phú Yên.

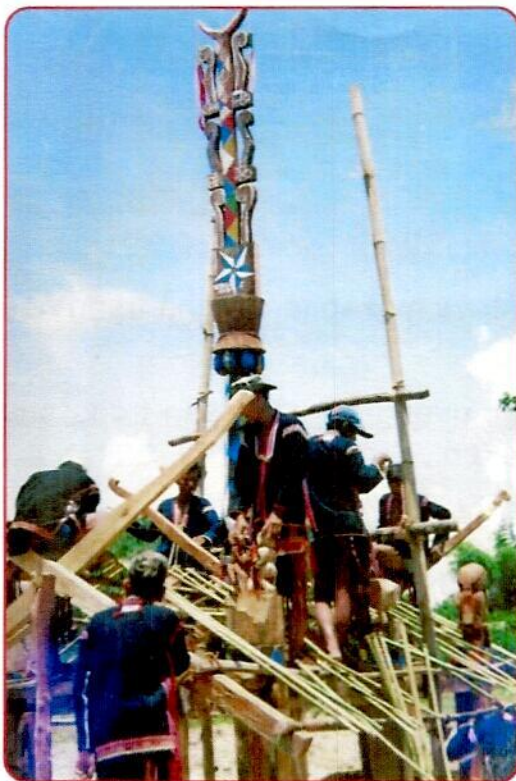
Một số dân tộc cư trú ở khu vực miền núi Phú Yên như Giarai, Bana, Êđê,... có phong tục làm nhà rất đẹp cho người đã mất, gọi là nhà mồ. Quanh nhà mồ đặt nhiều tượng để thể hiện sự tưởng niệm của người sống và tạo niềm vui cho những người đã khuất theo phong tục lâu đời của các dân tộc nơi đây.

Để tạc tượng mồ, những người dân tộc thiểu số dùng rìu đẽo những khúc gỗ theo các đề tài về người và vật trong những hoạt động đời thường. Do đó, tượng mồ giàu tính ngẫu hứng, tượng trưng, mang vẻ đẹp hồn nhiên, dân dã.



Hình 6.28. Tượng gỗ của một số dân tộc thiểu số ở Phú Yên
(Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)

Tượng gỗ ở miền núi Phú Yên nói riêng và vùng Tây Nguyên nói chung như một bản hợp ca về cuộc sống của con người và thiên nhiên, vừa cổ sơ, vừa hiện đại với ngôn ngữ hình khối đơn giản và tính cách điệu cao.



Hình 6.29. Người Êđê xây nhà mồ
(Nguồn: Bảo tàng Phú Yên)



LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

1. Phân tích một số sản phẩm mỹ thuật truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Phú Yên (cách tạo sản phẩm mỹ thuật, bố cục, màu sắc, đường nét, hình khối,... của sản phẩm) và giới thiệu sản phẩm mỹ thuật đó với bạn bè.
2. Hãy nêu một số nét mỹ thuật tiêu biểu của tượng mồ các dân tộc thiểu số ở Phú Yên.

VẬN DỤNG

1. Vận dụng yếu tố mỹ thuật truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Phú Yên để thực hành tạo một sản phẩm mỹ thuật mà em thích. (Hs có thể dùng củ, quả,... để trải nghiệm tạc tượng mồ hoặc trang trí một sản phẩm mỹ thuật ứng dụng như: túi xách, quạt giấy,... bằng các họa tiết có trên thổ cẩm của các dân tộc thiểu số ở Phú Yên.)
2. Em sẽ làm gì để góp phần bảo tồn và phát huy giá trị mỹ thuật truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Phú Yên?

Nông sản của Phú Yên



MỤC TIÊU

- Nêu được các nông sản chính và một số làng nghề trồng hoa, trồng rau ở Phú Yên.
- Làm rõ được vai trò của việc quảng bá nông sản trong phát triển sản xuất nông nghiệp của Phú Yên.
- Lập kế hoạch quảng bá nông sản Phú Yên đến mọi người.
- Có ý thức tự hào về các loại nông sản của quê hương.



KHỞI ĐỘNG

Nông sản Phú Yên từ lâu đã được nói đến trong kho tàng ca dao, dân ca của vùng đất Phú Yên:

- Ngó lên Đất Đỏ nhiều bắp nhiều khoai
Ngó xuống Đồng Dài nhiều mía nhiều tranh
Ngó xuống Đồng Cọ nhiều lúa bạch canh, áo già
Mỹ Trung, Mỹ Phú, Mỹ Hoà
Mỹ Điền, Mỹ Định thiệt là nhiều cau.
- Tiếng đồn Chợ Xổm nhiều khoai,
Đất Đỏ nhiều bắp, La Hai nhiều đường.

Các loại nông sản được nhắc đến trong hai câu ca dao trên là gì? Ngoài những nông sản trên, hãy kể tên các loại nông sản ở tỉnh Phú Yên mà em biết.





Hình 7.1. Cánh đồng lúa ở thị trấn La Hai, huyện Đồng Xuân
(Ảnh: Nguyễn Danh Hạnh)



KHÁM PHÁ

I. KHÁI NIỆM NÔNG SẢN



Dựa vào thông tin bên dưới, em hãy cho biết nông sản là sản phẩm của các ngành nào? Kể tên các loại nông sản trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Theo Khoản 7 Điều 3 Nghị định 57/2018/NĐ-CP, nông sản được hiểu là sản phẩm của các ngành: nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và diêm nghiệp (nghề làm muối). Cụ thể:

- Nông sản ngành nông nghiệp: lúa, bắp (ngô), khoai, sắn, cà phê, hồ tiêu, thịt lợn, thịt và trứng gia cầm,...
- Nông sản ngành lâm nghiệp: gỗ khai thác, củi, tre, nhựa thông, trám, đước,...
- Nông sản ngành thủy sản: tôm, cá, ruốc, hàu, trai, tép,...
- Nông sản ngành diêm nghiệp: muối.

Với nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, địa hình đa dạng, thuận lợi cho việc phát triển nhiều ngành nghề, nguồn nông sản ở Phú Yên có đầy đủ các loại nói trên.

II. CÁC NÔNG SẢN CHÍNH Ở PHÚ YÊN

1. Các nguồn lương thực chính

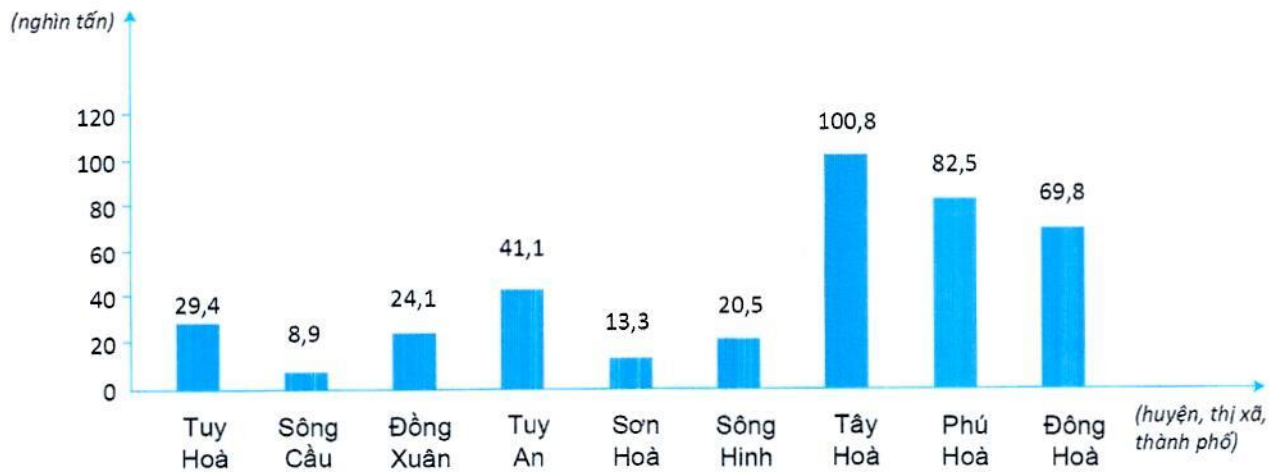


Dựa vào các thông tin sau, em hãy:

- Kể tên các nguồn lương thực chính được sản xuất ở tỉnh Phú Yên.
- Nêu nhận xét về sự phân bố và sản lượng các nguồn lương thực chính ở Phú Yên.
- Kể tên một số thương hiệu gạo nổi tiếng của tỉnh Phú Yên mà em biết. Qua đó nêu nhận xét về công tác quảng bá các nguồn lương thực chính ở tỉnh Phú Yên.

a. Lúa

Tỉnh Phú Yên được biết đến là vựa lúa của miền Trung, nơi có diện tích đồng bằng lớn, đất đai màu mỡ, hệ thống sông suối dày đặc, nguồn nước tương đối dồi dào và khí hậu chia thành hai mùa rõ rệt, là những điều kiện thuận lợi để phát triển ngành nông nghiệp nói chung và ngành hàng lúa gạo nói riêng.



Hình 7.2. Biểu đồ sản lượng lúa năm 2021 của các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Phú Yên
(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Phú Yên năm 2021)

Vùng sản xuất lúa của tỉnh Phú Yên trải dài từ đông sang tây, phân bố chủ yếu ở các huyện, thị xã như: Tây Hoà 13 276 ha (chiếm 24%), Phú Hoà 10 945 ha (chiếm 20%), Đông Hoà 8 976 ha (chiếm 16%), Tuy An 6 582 ha (chiếm 12%). Các huyện, thị xã, thành phố còn lại có diện tích sản xuất lúa với quy mô nhỏ, bị chia cắt bởi địa hình đồi núi như: Sông Hinh, Sơn Hoà, Đồng Xuân, Sông Cầu và thành phố Tuy Hoà (chiếm 28%).



Hình 7.3. Nông dân Phú Yên thu hoạch lúa
(Ảnh: Nguyễn Danh Hạnh)

Lúa được trồng và thu hoạch chủ yếu theo hai vụ trong năm: vụ đông – xuân (mùa tháng Ba) và vụ hè – thu (mùa tháng Tám).

Lúa là cây lương thực chủ lực của tỉnh Phú Yên. Do đó, công tác quảng bá, xây dựng thương hiệu lúa gạo trên địa bàn tỉnh đã được các cấp chính quyền quan tâm, phát triển. Trong những năm gần đây, sản phẩm gạo ở nhiều địa phương của Phú Yên đã được cấp Giấy chứng nhận OCOP (One Commune One Product) như: gạo thơm Hoa vàng An Nghiệp, gạo chất lượng Hoà Quang Nam, gạo chất lượng Hoà Thành,...

Em có biết?

Gạo thơm Hoa vàng của Hợp tác xã nông nghiệp An Nghiệp, huyện Tuy An được Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và công nghệ) cấp Giấy chứng nhận đăng kí nhãn hiệu và được Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận OCOP vào năm 2020. Đây là loại gạo có mẫu mã đẹp, an toàn thực phẩm, thơm, độ dẻo vừa, không bị cứng khi để nguội, không sử dụng chất bảo quản và hương liệu tạo mùi, không chất tẩy trắng. Để hạt gạo đạt chất lượng như vậy, người nông dân phải tuân thủ theo một quy trình khắt khe từ kinh nghiệm truyền thống kết hợp với phương pháp canh tác hiện đại ở tất cả các khâu.

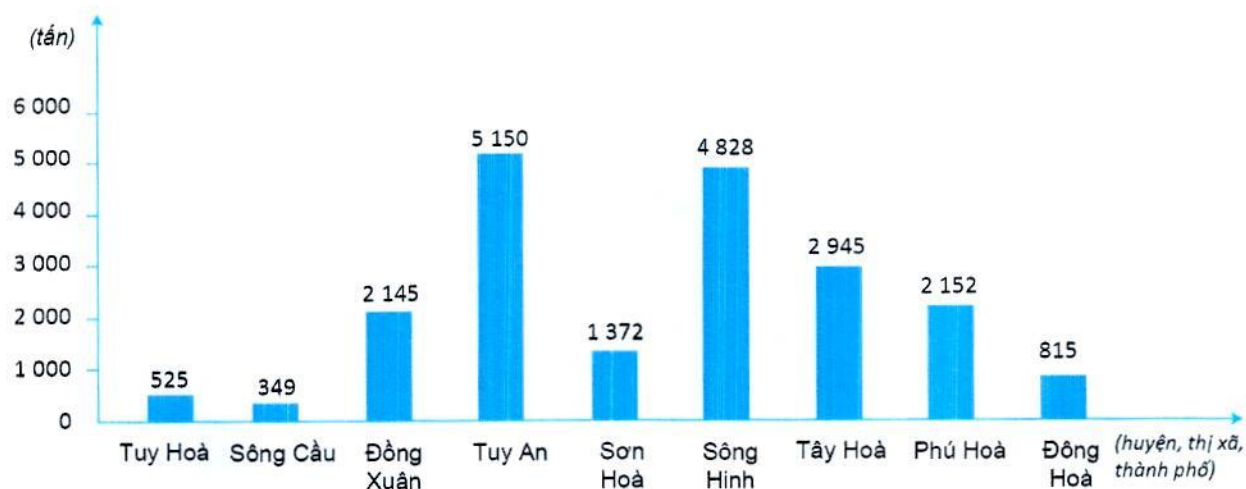
Hiện nay, Hợp tác xã nông nghiệp An Nghiệp đã sản xuất được loại gạo lứt Huyết rồng có màu đỏ nâu, hạt đều, mẩy, khi bẻ đôi để lộ phần lõi màu hồng phớt, khi nấu sẽ cho cơm xốp, thơm, vị béo bùi và nhai càng lâu càng cảm nhận được rõ vị ngon, ngọt. Gạo lứt Huyết rồng có nhiều thành phần dinh dưỡng tốt cho sức khỏe nên được người tiêu dùng ưa chuộng.



Hình 7.4. Gạo thơm Hoa vàng và Giấy chứng nhận OCOP
(Ảnh: Trần Tấn Khoa)

b. Bắp (ngô) và sắn mì

Bắp là loại cây lương thực được trồng nhiều nơi ở Phú Yên, nhất là tại các huyện Sông Hinh, Tuy An, Đồng Xuân và Sơn Hoà. Diện tích trồng bắp theo thống kê năm 2021 lên đến 4 181 ha, với sản lượng là 20 281 tấn. Bắp mang lại giá trị kinh tế cao cho nhà nông. Các bộ phận của bắp như thân, lá, vỏ trái, lõi bắp, râu bắp, hạt bắp đều được sử dụng và chế biến thành hơn 500 sản phẩm khác nhau: thân bắp khô được dùng làm bột giấy, thân lá tươi làm thức ăn cho gia súc, vỏ trái làm nguyên liệu cho ngành tiểu thủ công nghiệp, râu bắp được dùng trong dược liệu để làm thuốc lợi tiểu và cầm máu, hạt bắp làm thực phẩm,...



Hình 7.5. Biểu đồ sản lượng bắp năm 2021 của các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Phú Yên
(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Phú Yên năm 2021)

Ngoài bắp, sắn mì cũng là một trong những nông sản chủ lực của tỉnh Phú Yên. Sản lượng sắn mì cả tỉnh năm 2021 là 671 944 tấn, được thu hoạch nhiều nhất ở các huyện Sông Hinh, Sơn Hoà và Đồng Xuân.



Hình 7.6. Sắn mì trồng ở huyện Sông Hinh
(Ảnh: Phương Nam)

Em có biết?

Bắp sinh khối là cây bắp được thu hoạch ở giai đoạn chín sếp để làm thức ăn cho gia súc. Thay vì thu hoạch để lấy hạt lúc bắp đã chín hoàn toàn, cây bắp thu hoạch làm thức ăn cho gia súc ở giai đoạn chín sếp sẽ đảm bảo độ mềm, giàu dinh dưỡng và tạo sự ngon miệng cho vật nuôi.

Bắp sau khi ủ chua được sử dụng làm thức ăn trong những trang trại chăn nuôi bò sữa, bò thịt và các trang trại nhập khẩu bò Úc về vỗ béo tại Việt Nam; đồng thời xuất khẩu sang một số nước như Hàn Quốc, Nhật Bản,... Vì sản lượng bắp ủ chua sản xuất được không đáp ứng đủ nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nhất là vào mùa khô, nên toàn bộ sản phẩm bắp sinh khối của các hộ dân đang trồng đều được các công ty thu mua.



Hình 7.7. Trồng bắp sinh khối ở huyện Tuy An
(Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ Phú Yên)

Những năm gần đây, mô hình trồng bắp sinh khối được nhiều hộ dân ở các huyện: Tây Hoà, Sơn Hoà, Sông Hinh, Tuy An và Đồng Xuân chú trọng và nhân rộng diện tích trồng. So với trồng bắp lấy hạt, trồng bắp sinh khối làm thức ăn chăn nuôi mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn, mở ra hướng đi mới cho nông dân trong sản xuất nông nghiệp.

2. Các làng nghề trồng rau, trồng hoa



Dựa vào thông tin sau đây, em hãy:

- Kể tên các làng nghề trồng rau, trồng hoa ở tỉnh Phú Yên.
- Mô tả hoạt động sản xuất và sản phẩm (hoa, rau) của các làng nghề nói trên.

a. Làng hoa ở xã Bình Kiến và Phường 9 thuộc thành phố Tuy Hoà

Phường 9 và xã Bình Kiến thuộc thành phố Tuy Hoà là những nơi chuyên trồng hoa Tết, được gọi tên là “Làng hoa Phú Yên”. Ở đây, trồng hoa và cây cảnh là nghề chính của người dân.

Cùng với sự phát triển kinh tế – xã hội, nhu cầu sử dụng hoa và cây cảnh cũng tăng lên, hoa và cây cảnh trở thành nguồn thu nhập chủ yếu của người dân nơi đây. Ở làng hoa, người dân trồng nhiều loại hoa và cây cảnh; trong đó, có bốn loại hoa chủ lực được nhà vườn cũng như các thương lái ưa chuộng thu mua để bán ngoài tỉnh là: mai, quất, cúc và lay ơn.



Hình 7.8. Hoa cúc và quất tại làng hoa ở Phường 9, thành phố Tuy Hoà
(Ảnh: Nguyễn Thị Mỹ Chung)

b. Làng rau Ngọc Lãng (xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hoà)

Làng rau Ngọc Lãng thuộc xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hoà là vùng đất màu mỡ, được phù sa Sông Ba bồi đắp, quanh năm xanh ngát. Đa số các hộ dân ở đây đều sinh sống bằng nghề trồng rau và trồng hoa. Ở đây trồng đủ các loại rau: rau thơm, xà lách, mồng tơi, hành lá, ngò, húng,... Các nhà hàng, khách sạn, siêu thị ở thành phố Tuy Hoà và những vùng lân cận đều lấy nguồn rau từ nơi này. Ngoài trồng rau, người dân còn trồng thêm một số loài hoa nhưng chủ yếu vẫn là hoa lay ơn. Hoa được cung cấp cho nhiều tỉnh thành ở Tây Nguyên và Nam Trung Bộ.



Hình 7.9. Làng rau Ngọc Lãng
(Ảnh: Phương Nam)

Ngày 5/6/2015, làng rau Ngọc Lăng được Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên phê duyệt Đề án phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng. Đến nay, làng rau Ngọc Lăng từng bước hình thành các sản phẩm du lịch thu hút được sự chú ý của các tổ chức xã hội, doanh nghiệp du lịch, công ty lữ hành,... liên kết cùng địa phương để giới thiệu du khách đến tham quan, trải nghiệm, khám phá làng rau, tìm hiểu về quy trình trồng rau, cách thức chăm sóc, thu hoạch rau,... và mua về những loại rau sạch tươi ngon của làng rau.

III. QUẢNG BÁ NÔNG SẢN PHÚ YÊN



Dựa vào thông tin sau, em hãy cho biết:

- Vì sao phải thực hiện quảng bá nông sản Phú Yên?
- Em đã làm gì để góp phần quảng bá nông sản Phú Yên đến mọi người?

1. Tầm quan trọng của việc quảng bá nông sản Phú Yên

Quảng bá nông sản là hoạt động tiếp thị các sản phẩm nông nghiệp và dịch vụ có liên quan đến với người tiêu dùng. Người giới thiệu sẽ thuyết phục khách hàng sử dụng thử và mua các nông sản thông qua việc trò chuyện, trình bày các tính năng, công dụng, lợi ích của sản phẩm.

Thực tế hiện nay, trong khi nông dân loay hoay tìm đầu ra cho sản phẩm của mình thì người tiêu dùng cũng vất vả không kém khi cần mua những nông sản có chất lượng, rõ nguồn gốc và xuất xứ. Vì vậy, việc quảng bá nông sản địa phương có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp của tỉnh Phú Yên.

Mục đích của việc quảng bá nông sản địa phương:

- Quảng bá công dụng, chất lượng nông sản, giá cả cũng như các chương trình đặc biệt được cung cấp nhằm giúp người tiêu dùng nắm bắt được thông tin về các loại nông sản của địa phương.
- Giúp người tiêu dùng có thể phân biệt được các loại nông sản ở tỉnh khác với nông sản Phú Yên.
- Giúp người tiêu dùng có thêm thông tin về nông sản muốn quảng bá nhằm nâng cao nhu cầu tiêu thụ nông sản.
- Giúp xây dựng hình ảnh và giá trị thương hiệu, tăng tính cạnh tranh, từ đó nông dân Phú Yên có thể nâng cao giá trị thương hiệu của mình trong mắt người tiêu dùng, góp phần duy trì tài sản thương hiệu.
- Giúp hoạt động sản xuất nông nghiệp tại địa phương trở nên ổn định trước những biến động không ngừng của thị trường nông sản.

Như vậy, việc giới thiệu nông sản đến với người tiêu dùng đóng vai trò quan trọng trong phát triển nông nghiệp của địa phương, tăng thu nhập cho nông dân, góp phần xây dựng các thương hiệu nông sản Phú Yên.

2. Lập kế hoạch quảng bá nông sản Phú Yên

Để hoạt động quảng bá nông sản mang lại hiệu quả, người quảng bá cần lập kế hoạch và kiên trì thực hiện kế hoạch đề ra.

Quy trình lập kế hoạch quảng bá nông sản:

Bước 1. Xác định mục tiêu của kế hoạch quảng bá: mục tiêu đặt ra phải cụ thể, phù hợp với loại nông sản muốn quảng bá và điều kiện cụ thể của bản thân.

Bước 2. Xác định hiện trạng của loại nông sản muốn quảng bá: số lượng, chất lượng, tình trạng tiêu thụ trên thị trường,...

Bước 3. Thiết lập các hình thức quảng bá mang lại hiệu quả cao, hướng tới thực hiện mục tiêu đề ra.

Bước 4. Tuân thủ kế hoạch quảng bá, quyết tâm, kiên trì thực hiện kế hoạch. Trong quá trình thực hiện có thể điều chỉnh kế hoạch sao cho phù hợp hơn theo tình hình thực tế.



LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

LUYỆN TẬP

1. Kể tên các loại nông sản được sản xuất ở Phú Yên hoặc tại địa phương em sinh sống.

2. Nêu các biện pháp để giúp nông sản của địa phương được nhiều bạn bè trong và ngoài tỉnh biết đến.

VẬN DỤNG

Theo hướng dẫn của giáo viên, em hãy cùng bạn bè lập và báo cáo kế hoạch quảng bá một nông sản của địa phương. Thực hiện quảng bá nông sản này đến với người tiêu dùng theo kế hoạch.

Bảng giải thích thuật ngữ

Trang	Thuật ngữ	Giải thích
14	độ phì	Độ phì nhiêu của đất hay còn gọi là khả năng sản xuất của đất; là tổng hợp các điều kiện, yếu tố đảm bảo cho cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt.
14	trầm tích	Là vật liệu lắng đọng ở những nơi có địa hình thấp, trũng như: sông, hồ, biển, đầm lầy,...

